

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012**  
5 NĂM THÀNH LẬP & PHÁT TRIỂN

## NGÂN HÀNG TMCP BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT

Khai sinh từ Hậu Giang, trái tim của miền Tây Nam Bộ, Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt từ khi ra đời đã là một trong mười Ngân hàng TMCP có vốn điều lệ lớn nhất Việt Nam. Ngay trong giai đoạn chuẩn bị hoạt động, Ngân hàng đã ưu tiên ứng dụng công nghệ hiện đại, chú trọng thu hút và đào tạo nguồn nhân lực chuyên nghiệp, tinh nhuệ làm nền tảng cốt lõi cho Ngân hàng phát triển nhanh và bền vững.

Sau 5 năm hoạt động, với chiến lược phát triển bền vững và sự điều hành quyết liệt của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt đã khẳng định được vị trí vững chắc trên thị trường Tài chính - Ngân hàng Việt Nam, thể hiện ở quy mô tổng tài sản, lợi nhuận, công nghệ hiện đại, mạng lưới, chất lượng dịch vụ, nguồn nhân lực và quản trị điều hành theo chuẩn mực quốc tế.

————— *Liên kết Phát triển* —————



## MỤC LỤC

---

<b>Trang</b>	<b>Nội dung</b>
I	<b>GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG</b>
4	Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
6	Sơ đồ tổ chức
8	Hội đồng Quản trị
9	Ban Kiểm soát
10	Ban Tổng Giám đốc
11	Sứ mệnh - Tầm nhìn - Chiến lược kinh doanh - Giá trị cốt lõi - Triết lý kinh doanh
12	10 sự kiện tiêu biểu năm 2012
14	Kết quả hoạt động kinh doanh & Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản qua các năm hoạt động
16	Hoạt động Thanh toán Quốc tế
18	Hoạt động Đầu tư và Hợp tác Quốc tế
20	Hoạt động Phát triển Mạng lưới
22	Hoạt động Nhân sự và Đào tạo
24	Hoạt động Công nghệ Thông tin
26	Các sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu
28	Hoạt động từ thiện, xã hội tiêu biểu
30	Định hướng hoạt động 2013 & 5 năm tới
II	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>
32	Báo cáo tài chính tóm tắt cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012



## **Ông Dương Công Minh**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Bưu điện Liên Việt

**Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, các Nhà đầu tư và toàn thể Cán bộ Nhân viên Ngân hàng Bưu điện Liên Việt!**

Đến tháng 3 năm 2013, Ngân hàng Bưu điện Liên Việt tròn 5 năm tuổi. Là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần trẻ tuổi nhưng Ngân hàng Bưu điện Liên Việt đã vượt qua khó khăn, thử thách, tích lũy đầy đủ kinh nghiệm và sức lực để vững bước đi lên. 5 năm qua, Ngân hàng Bưu điện Liên Việt đã không ngừng phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, khẳng định uy tín thương hiệu và vị thế của mình trên thương trường, đồng thời Ngân hàng Bưu điện Liên Việt đã xác định được tiêu chí, định hướng trong hoạt động kinh doanh, xây dựng thương hiệu của mình, không phải tất cả vì mục tiêu lợi nhuận, mà còn chú trọng phát triển bền vững, hướng về thị trường nông nghiệp - nông thôn, tích cực đóng góp cho cộng đồng và xã hội thông qua các hoạt động tài trợ, từ thiện, từ đó nâng cao nhận thức và trách nhiệm xã hội của mỗi thành viên trong “Đại gia đình” Ngân hàng Bưu điện Liên Việt,...

Kết thúc năm 2012 - một năm tài chính với nhiều biến động thăng trầm của nền kinh tế và cũng được xem là một năm “sóng gió” đối với các ngân hàng trong và ngoài nước, với chiến lược đúng đắn, phương châm kinh doanh rõ ràng và sự cố gắng hết mình của Ban lãnh đạo và toàn thể Cán bộ Nhân viên, Ngân hàng Bưu điện Liên Việt đã đạt được kết quả hoạt động kinh doanh đáng khích lệ với một số chỉ tiêu cơ bản như sau: vốn điều lệ đạt 6.460 tỷ đồng, tổng tài sản đạt trên 66.000 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 968 tỷ đồng. Ngoài ra, Ngân hàng Bưu điện Liên Việt đã tiếp tục triển khai thành công hoạt động Tiết kiệm Bưu điện trên mạng lưới bưu chính giúp gia tăng số lượng khách hàng sử dụng sản phẩm dịch vụ để tăng doanh số huy động vốn của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt và trở thành Ngân hàng thương mại cổ phần có số lượng điểm giao dịch lớn nhất trên toàn quốc, khai thác gần 10.000 điểm giao dịch trên mạng lưới bưu chính.

Bước sang năm 2013 Ngân hàng Bưu điện Liên Việt kỷ niệm 5 năm thành lập, đánh dấu bước khởi đầu thành công, phát triển ổn định và bền vững. Với phương châm “Gắn xã hội trong kinh doanh” và sự đồng lòng nhất trí, ủng hộ của Quý vị, Ngân hàng Bưu điện Liên Việt tiếp tục phấn đấu đẩy mạnh, phát triển các sản phẩm dịch vụ trên hệ thống bưu cục của ngành bưu điện để đạt được mục tiêu là “Ngân hàng của mọi người”, Ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam. Tôi tin tưởng Ngân hàng Bưu điện Liên Việt có đủ cơ sở để đạt những mục tiêu chiến lược dài hạn đã đặt ra và năm 2013 sẽ là năm Ngân hàng Bưu điện Liên Việt vượt lên những khó khăn chung của nền kinh tế để tiếp tục phát triển.

Với chặng đường 5 năm, những thành tựu phát triển của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt hôm nay, bên cạnh những nỗ lực, phấn đấu của tập thể Ban lãnh đạo và Cán bộ Nhân viên, còn có sự quan tâm giúp đỡ của cơ quan Đảng, Nhà nước, Chính quyền các cấp, các Nhà đầu tư, các Đối tác, Quý Khách hàng và người dân trên các địa bàn mà Ngân hàng Bưu điện Liên Việt đã đầu tư và hoạt động kinh doanh. Vì vậy, thay mặt Ban lãnh đạo và toàn thể Cán bộ Nhân viên Ngân hàng Bưu điện Liên Việt, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và tri ân sâu sắc nhất đến các cơ quan Đảng, Nhà nước, Chính quyền các cấp, các Nhà đầu tư, các Đối tác, Quý Khách hàng cũng như người dân đã tích cực ủng hộ, giúp đỡ Ngân hàng Bưu điện Liên Việt trong suốt thời gian qua.

Một lần nữa, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm, hợp tác từ Quý Cổ đông, các Nhà đầu tư, các Đối tác, Quý Khách hàng, cảm ơn sự đồng hành nhiệt huyết của toàn thể Ban lãnh đạo, Cán bộ Nhân viên Ngân hàng Bưu điện Liên Việt đã luôn cố gắng vì một Ngân hàng Bưu điện Liên Việt “Liên kết – Phát triển”.

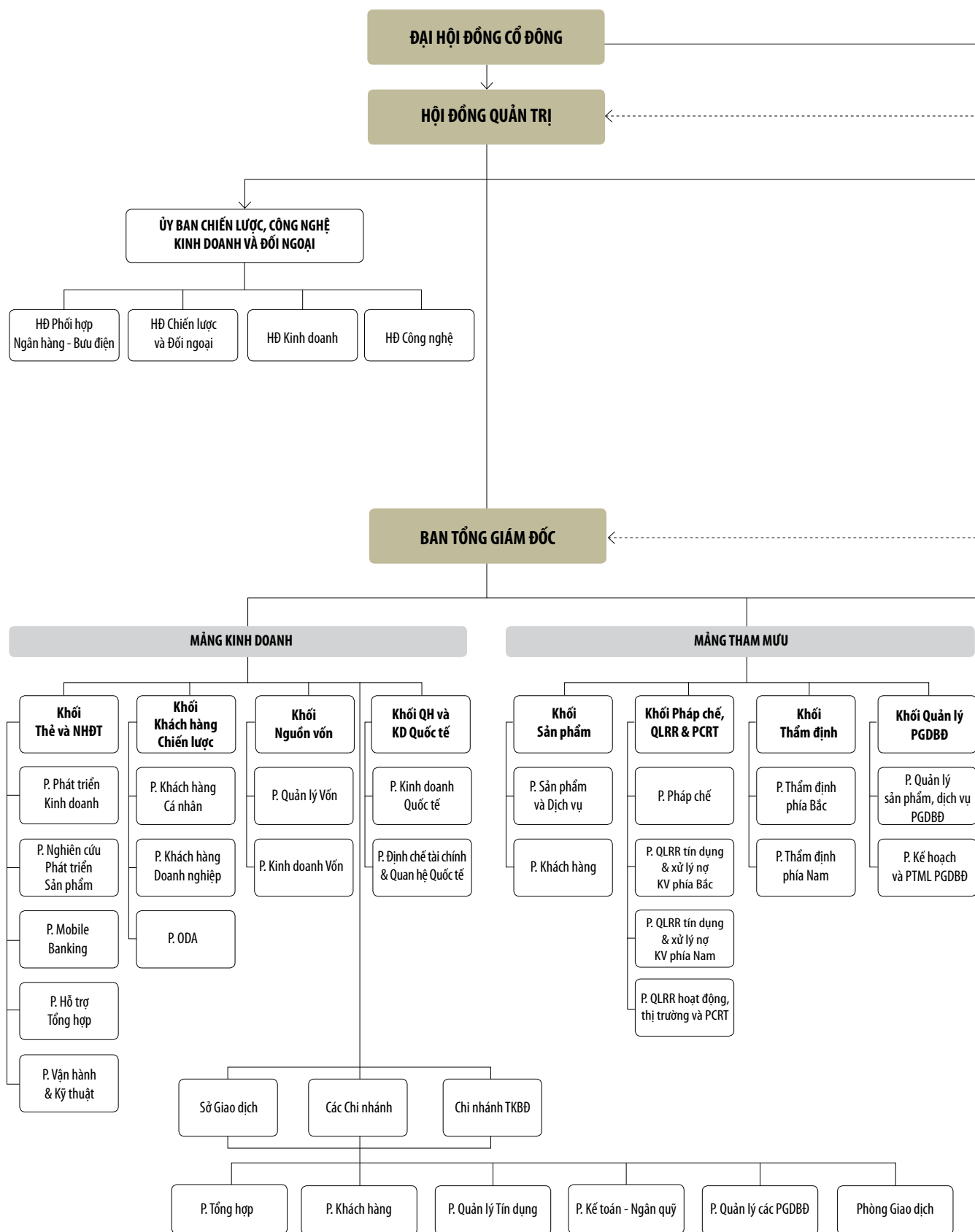
**Trân trọng cảm ơn!**

**CHỦ TỊCH HĐQT**

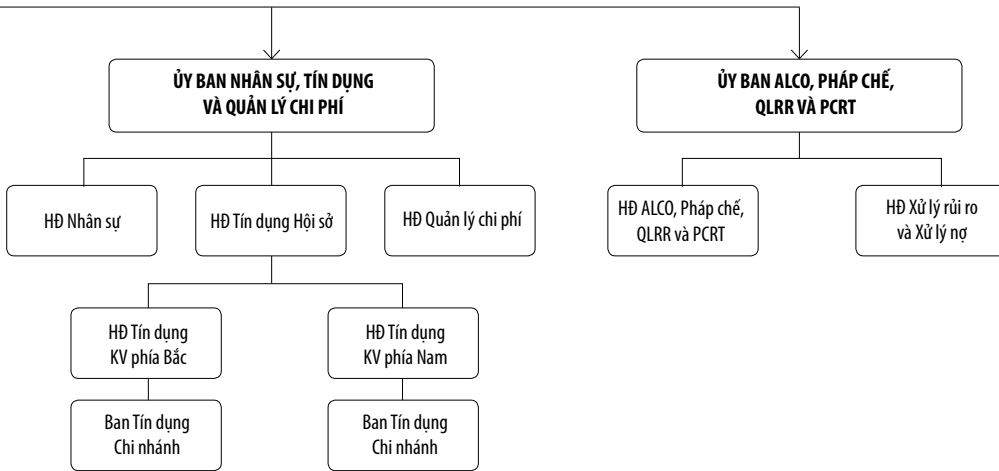


**Dương Công Minh**

# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

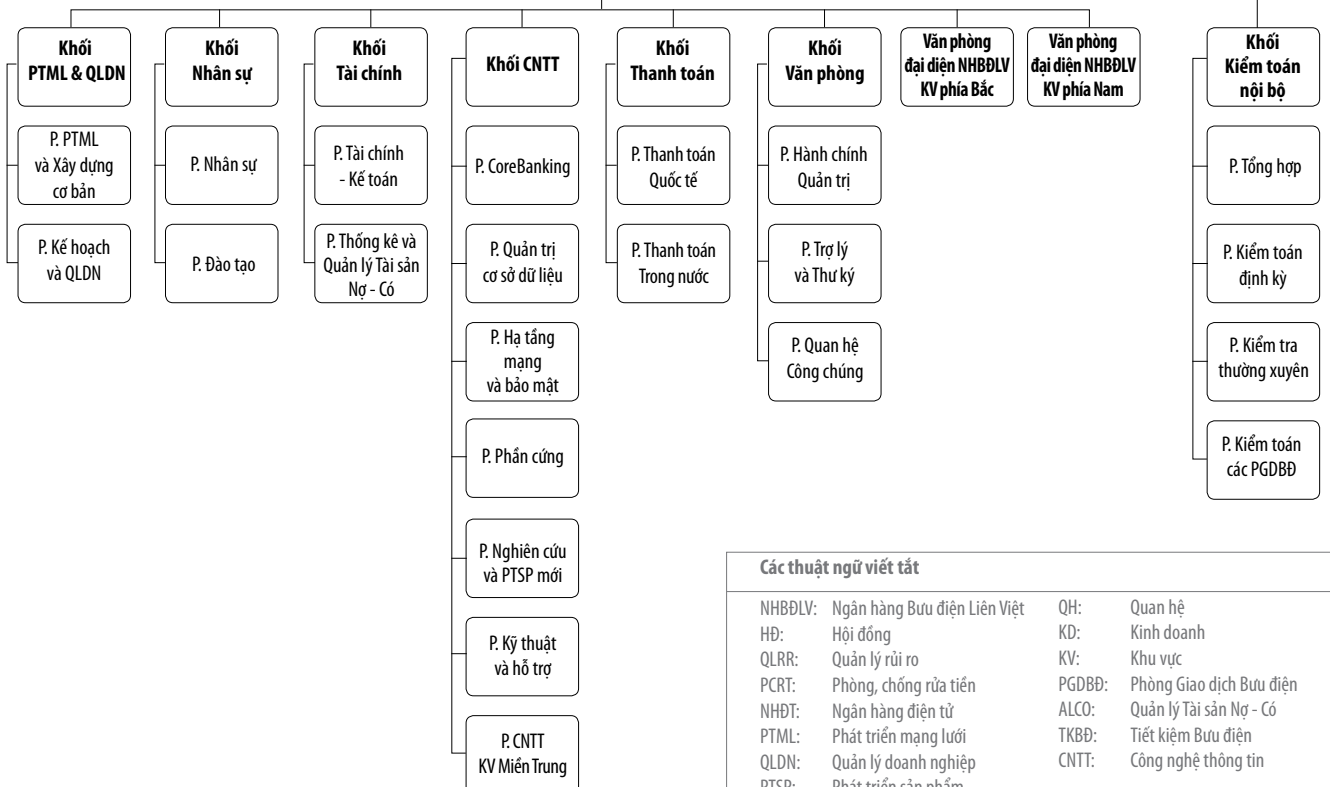


## BAN KIỂM SOÁT



## MẢNG HỖ TRỢ

## MẢNG KIỂM SOÁT



### Các thuật ngữ viết tắt

NHBĐLV:	Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	QH:	Quan hệ
HD:	Hội đồng	KD:	Kinh doanh
QLRR:	Quản lý rủi ro	KV:	Khu vực
PCRT:	Phòng, chống rửa tiền	PGĐBĐ:	Phòng Giao dịch Bưu điện
NHĐT:	Ngân hàng điện tử	ALCO:	Quản lý Tài sản Nợ - Có
PTML:	Phát triển mạng lưới	TKBĐ:	Tiết kiệm Bưu điện
QLDN:	Quản lý doanh nghiệp	CNTT:	Công nghệ thông tin
PTSP:	Phát triển sản phẩm		

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

			
<p><b>ÔNG DƯƠNG CÔNG MINH</b></p>	<p><b>ÔNG NGUYỄN ĐỨC HƯỞNG</b></p>	<p><b>ÔNG NGUYỄN ĐỨC CỬ</b></p>	<p><b>ÔNG NGUYỄN VĂN HUỠNH</b></p>
<p><b>Chủ tịch HĐQT</b>            Chủ tịch Ủy ban ALCO, Pháp chế,            Quản lý rủi ro &amp; Phòng, chống rửa tiền</p> <hr/> <p>Cử nhân Kinh tế            Đại học Kinh tế Kế hoạch            nay là Đại học Kinh tế Quốc dân</p>	<p><b>Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT</b>            Chủ tịch Ủy ban Chiến lược,            Công nghệ, Kinh doanh và Đối ngoại</p> <hr/> <p>Tiến sỹ Kinh tế            Học viện Ngân hàng</p>	<p><b>Phó Chủ tịch HĐQT</b>            Chủ tịch Ủy ban Nhân sự,            Tín dụng và Quản lý Chi phí</p> <hr/> <p>Cử nhân Kinh tế Thương mại            Đại học Thương nghiệp Hà Nội -            nay là Đại học Thương mại</p>	<p><b>Thành viên HĐQT</b>            Chủ tịch Hội đồng Tín dụng            khu vực phía Nam</p> <hr/> <p>Cử nhân Kinh tế            Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh</p>
			
<p><b>ÔNG NGUYỄN ĐÌNH THẮNG</b></p>	<p><b>ÔNG LÊ HỒNG PHONG</b></p>	<p><b>ÔNG PHẠM ANH TUẤN</b></p>	<p><b>BÀ ĐỖ THỊ NHIÊN</b></p>
<p><b>Thành viên HĐQT</b>            Chủ tịch Hội đồng Công nghệ</p> <hr/> <p>Cử nhân Kinh tế            Đại học Kinh tế Kế hoạch            nay là Đại học Kinh tế Quốc dân</p>	<p><b>Thành viên HĐQT</b>            Chủ tịch Hội đồng Tín dụng            khu vực phía Bắc            Chủ tịch Hội đồng ALCO, Pháp            chế, Quản lý rủi ro và Phòng,            chống rửa tiền</p> <hr/> <p>Tiến sỹ Kinh tế            Học viện Ngân hàng</p>	<p><b>Thành viên HĐQT</b>            Chủ tịch Hội đồng Phối hợp            Ngân hàng – Bưu điện</p> <hr/> <p>Thạc sỹ Kinh tế            Đại học Kinh tế Quốc dân</p>	<p><b>Thành viên HĐQT độc lập</b></p> <hr/> <p>Cử nhân Tài chính - Ngân hàng            Trường cao cấp Ngân hàng            Tp. Hồ Chí Minh</p> <p><i>Bà Đỗ Thị Nhiên chính thức trở thành            Thành viên HĐQT sau khi Đại hội            đồng cổ đông thường niên Ngân            hàng Bưu điện Liên Việt năm 2013            thông qua (28/3/2013)</i></p>

Từ ngày 28/3/2013, Ông Trần Việt Trung thôi đảm nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên Ngân hàng Bưu điện Liên Việt năm 2013 thông qua.



## BAN KIỂM SOÁT



**BÀ LÊ THỊ THANH NGA**

**Trưởng Ban Kiểm soát**

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh  
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân



**ÔNG TRẦN THANH TÙNG**

**Thành viên Ban Kiểm soát**

Cử nhân Tài chính - Ngân hàng  
Đại học Ngân hàng



**BÀ NGUYỄN THỊ LAN ANH**

**Thành viên Ban Kiểm soát**

Thạc sỹ Kinh tế  
Đại học Thương mại

*Bà Nguyễn Thị Lan Anh chính thức trở thành Thành viên Ban Kiểm soát sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên Ngân hàng Bưu điện Liên Việt năm 2013 thông qua (28/3/2013)*

*Từ 28/3/2013, Bà Nguyễn Thị Liên thôi đảm nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên Ngân hàng Bưu điện Liên Việt năm 2013 thông qua.*

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



**ÔNG PHẠM DOÃN SƠN**

**Tổng Giám đốc**

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA)  
Trưởng Đại học Impac Hoa Kỳ



**BÀ NGUYỄN THU HOA**

**Phó Tổng Giám đốc**

Thạc sỹ Tài chính ứng dụng



**BÀ NGUYỄN THỊ GẤM**

**Phó Tổng Giám đốc**

Chứng chỉ hành nghề Kế toán, Kiểm toán  
Quốc tế (ACCA - UK)  
Thạc sỹ Tài chính Kiểm soát



**BÀ NGUYỄN ÁNH VÂN**

**Phó Tổng Giám đốc**

Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng



**ÔNG ĐOÀN VĂN THẮNG**

**Phó Tổng Giám đốc**

Tiến sỹ Tài chính



**ÔNG TÔ VĂN CHÁNH**

**Phó Tổng Giám đốc**

Cử nhân Ngân hàng



**BÀ NGUYỄN THỊ BÍCH LỘC**

**Phó Tổng Giám đốc**

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh



**BÀ NGUYỄN THỊ THANH SƠN**

**Phó Tổng Giám đốc**

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh



**ÔNG NGHIÊM SỸ THẮNG**

**Phó Tổng Giám đốc**

Kỹ sư Công nghệ thông tin



**ÔNG VŨ QUỐC KHÁNH**

**Phó Tổng Giám đốc**

Cử nhân Quản trị Kinh doanh



**ÔNG NGUYỄN MINH TRÍ**

**Phó Tổng Giám đốc**

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh



**ÔNG HỒ NAM TIẾN**

**Phó Tổng Giám đốc**

Thạc sỹ Ngân hàng



**ÔNG NGUYỄN VĂN GẤM**

**Phó Tổng Giám đốc**

Kỹ sư cơ điện – Chuyên ngành Tự  
động hoá xí nghiệp thông tin



## Sứ mệnh

Cung cấp cho Khách hàng và Xã hội các sản phẩm, dịch vụ đa dạng với chất lượng cao; Mang lại lợi ích cao nhất cho Ngân hàng Bưu điện Liên Việt và Xã hội.

## Tầm nhìn

Trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam - Ngân hàng của mọi người.

## Chiến lược kinh doanh

Bán lẻ - Dịch vụ - Kinh doanh đa năng.

## Giá trị cốt lõi

Kỷ cương - Sáng tạo - Nhân bản.

## Triết lý kinh doanh

- **3 điều hướng tâm** của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt:
  - Không có con người, dự án vô ích;
  - Không có Khách hàng, ngân hàng vô ích;
  - Không có Tâm - Tín - Tài - Tầm, Ngân hàng Bưu điện Liên Việt vô ích.
- **Cổ đông:** Là nền tảng của Ngân hàng.
- **Khách hàng:** Là ân nhân của Ngân hàng.
- **Người lao động:** Là sức mạnh của Ngân hàng.
- **Đối tác:** Là bằng hữu của Ngân hàng.
- **Sản phẩm, dịch vụ:** Không ngừng đổi mới, phục vụ những sản phẩm Khách hàng cần chứ không phải sản phẩm Ngân hàng có.
- **Ý thức kinh doanh:** Thượng tôn Pháp luật; gắn Xã hội trong kinh doanh.

# 10

## Sự kiện tiêu biểu năm 2012

1

### **Chuyển giao các vị trí lãnh đạo cấp cao của Ngân hàng**

Năm 2012 là năm chuyển giao vị trí lãnh đạo cấp cao của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt (LienVietPostBank) nhằm trẻ hóa đội ngũ lãnh đạo và tăng cường kiểm soát rủi ro hoạt động. Theo đó, Ông Phạm Doãn Sơn chính thức trở thành Tổng Giám đốc của Ngân hàng; Ông Lê Hồng Phong trở thành thành viên HĐQT của Ngân hàng, phụ trách mảng Tín dụng Khu vực phía Bắc và Hội đồng ALCO, Pháp chế, Quản lý rủi ro và Phòng, chống rửa tiền. Bà Lê Thị Thanh Nga chính thức trở thành Trưởng Ban Kiểm soát.

2

### **Tổng tài sản vượt 66.000 tỷ đồng**

Tổng tài sản (một trong các trụ cột của một ngân hàng) của LienVietPostBank tính đến thời điểm 31/12/2012 đạt trên 66.000 tỷ đồng, gấp hơn 8 lần so với năm đầu hoạt động 2008 (7.453 tỷ đồng).

3

### **LienVietPostBank xếp thứ 39 trong tổng số 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam trên bảng xếp hạng VNR500**

LienVietPostBank xếp thứ 39 trong tổng số 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam, thay đổi ấn tượng từ vị trí 87 năm 2011. Bảng xếp hạng do Công ty cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (VietNam Report) kết hợp với Báo điện tử VietNamNet tổ chức thực hiện. Đây là năm thứ 6 liên tiếp, Bảng xếp hạng VNR500 được chính thức công bố để ghi nhận và tôn vinh những thành quả mà cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam đạt được, là mốc son đánh dấu sự đồng hành của các doanh nghiệp VNR500 trong sự lớn mạnh của Bảng xếp hạng VNR500, ghi nhận khách quan thứ hạng và thành tích của các doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

4

### **Áp dụng thành công hệ thống công nghệ thông tin quản lý các Phòng Giao dịch Bưu điện**

LienVietPostBank đã xây dựng thành công phần mềm kết nối với hệ thống công nghệ thông tin của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam, cho phép quản lý mạng lưới cung cấp dịch vụ trên 10.000 điểm giao dịch phủ khắp 63 tỉnh thành trong cả nước.

5

### **IFC nâng hạn mức tài trợ thương mại từ 5 triệu USD lên 20 triệu USD cho LienVietPostBank**

Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới (the World Bank), đã gia tăng hạn mức tài trợ thương mại cho LienVietPostBank từ mức 5 triệu USD lên 20 triệu USD trong Chương trình Tài trợ thương mại toàn cầu (Global Trade Finance Program - GTFP), tạo điều kiện để Ngân hàng có thể hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam mở rộng hoạt động xuất nhập khẩu và tạo thêm việc làm trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế. Từ khi bắt đầu triển khai vào năm 2005, Chương trình GTFP của IFC đã giúp mở rộng và nâng cao năng lực tài trợ thương mại của các ngân hàng nội địa đối với các doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại những thị trường mà các nguồn tài trợ thương mại còn bị hạn chế. LienVietPostBank là một trong số 200 ngân hàng phát hành tại hơn 90 nước đang phát triển tham gia GTFP.

**6****Tiếp tục thực hiện chính sách Tam Nông của Đảng và Chính phủ – Giảm lãi suất cho nông dân và các doanh nghiệp khu vực Nông nghiệp - Nông thôn (NNNT)**

LienVietPostBank đã tiếp tục thực hiện chính sách cho vay ưu đãi các doanh nghiệp và hoàn thiện chính sách cho vay ưu đãi đối với cá nhân trong lĩnh vực NNNT, giảm lãi suất vay cho nông dân (so với các Ngân hàng thương mại khác) góp phần thực hiện chính sách mở rộng tín dụng NNNT của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Từ năm 2010, LienVietPostBank đã triển khai Chương trình này để phát triển tín dụng cho khu vực nông nghiệp - nông thôn, góp phần hạn chế nạn cho vay nặng lãi ở khu vực này. Đến 31/12/2012, doanh số cho vay trong hơn 2 năm thực hiện Chương trình Tam Nông đạt xấp xỉ 38.380 tỷ đồng, số lượt hộ nông dân vay tiền đạt xấp xỉ 43.000 Khách hàng.

**7****Đột phá sản phẩm: Ngân hàng Xanh và Ngân hàng Thế hệ mới**

Năm 2012, hệ thống sản phẩm của LienVietPostBank có 2 điểm đột phá là Ngân hàng Xanh (các sản phẩm dịch vụ gắn với mục tiêu bảo vệ môi trường, thực hiện chính sách giao dịch không dùng tiền mặt) và Ngân hàng Thế hệ mới (các sản phẩm dịch vụ hướng đến đối tượng trẻ em và các bậc phụ huynh nhằm góp phần giáo dục kỹ năng quản trị tài chính cá nhân và gia đình). Bên cạnh các đột phá này, LienVietPostBank cũng có sản phẩm mới đáng chú ý là: Tín dụng an cư để kích thích thị trường bất động sản. Ngoài ra, LienVietPostBank cũng đang xúc tiến dự án phát triển thanh toán biên mậu với Trung Quốc để tạo nên những đột phá về sản phẩm trong năm 2013.

**8****LienVietPostBank tiếp tục khởi xướng thành lập và tài trợ hàng loạt Quỹ Khuyến học, Khuyến tài (Quỹ KHKT) tại các tỉnh, đồng thời số trường học đạt chuẩn quốc gia do LienVietPostBank tài trợ xây dựng đã vượt con số 30. Các hoạt động xã hội này đã tiếp tục khẳng định thương hiệu LienVietPostBank là “Ngân hàng hướng tâm vì cộng đồng”, Ngân hàng có trách nhiệm xã hội hàng đầu tại Việt Nam.**

LienVietPostBank đã tham gia sáng lập và tài trợ trên 20 tỷ đồng cho 06 Quỹ Khuyến học, Khuyến tài: Quỹ KHKT Phạm Văn Trà (Bắc Ninh); Quỹ KHKT Đất Tổ, Quỹ KHKT Nguyễn Khắc Nghiên (Phú Thọ), Quỹ KHKT Lương Thế Vinh (Nam Định), Quỹ KHKT Nguyễn Đan Quế (Thanh Hóa), Quỹ KHKT Đinh Bộ Lĩnh (Ninh Bình) và Quỹ KHKT Chu Văn An (Hà Nội). Tổng số tiền tài trợ cho các Quỹ KHKT đã vượt 20 tỷ đồng.

LienVietPostBank là Ngân hàng TMCP tài trợ xây dựng nhiều trường học nhất. Các trường học do LienVietPostBank tài trợ hiện có mặt tại các tỉnh, thành như: Hà Nội, Hà Giang, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Bắc Giang, Phú Thọ, Hưng Yên, Hải Dương, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Phú Yên, TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Hậu Giang, Kiên Giang.

**9****Định hình 3 giá trị cốt lõi trong Văn hóa Doanh nghiệp**

Ngày 28/3/2012, kỷ niệm 04 năm thành lập và hoạt động, LienVietPostBank công bố chính thức Văn hóa Doanh nghiệp với 03 giá trị cốt lõi là Kỷ cương - Sáng tạo - Nhân bản. Đây là các giá trị cốt lõi để xây dựng văn hóa doanh nghiệp và con người “Bưu điện Liên Việt” nhằm mục đích phát triển bền vững Ngân hàng.

**10****LienVietPostBank tham gia dự án Tài chính Nông thôn III**

LienVietPostBank chính thức tham gia Dự án Tài chính Nông thôn III do Hiệp hội Phát triển Quốc tế (IDA), thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới (the World Bank) tài trợ nhằm mục tiêu gia tăng lợi ích kinh tế cho các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân và các cá nhân/hộ gia đình ở khu vực nông thôn, nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính, từ đó, tạo thêm công ăn việc làm cho khu vực nông thôn.

# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH & MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN QUA CÁC NĂM HOẠT ĐỘNG

Đơn vị: Tỷ đồng

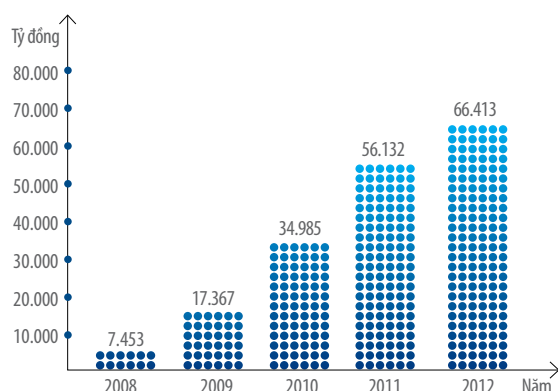
A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	2008	2009	2010	2011	2012
Tổng tài sản (TTS)	7.453	17.367	34.985	56.132	66.413
Vốn chủ sở hữu (VCSH)	3.447	3.828	4.105	6.594	7.391
<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	<i>3.300</i>	<i>3.650</i>	<i>3.650</i>	<i>6.010</i>	<i>6.460</i>
Tổng huy động vốn	3.801	13.399	30.421	48.148	57.628
Tổng dư nợ tín dụng	2.674	5.983	10.114	12.757	29.325
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước trích dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>449</b>	<b>569</b>	<b>816</b>	<b>1.161</b>	<b>1.275</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (LNTT)</b>	<b>444</b>	<b>540</b>	<b>759</b>	<b>1.086</b>	<b>968</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế (LNST)</b>	<b>444</b>	<b>540</b>	<b>683</b>	<b>977</b>	<b>868</b>

B. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN	2008	2009	2010	2011	2012
Tỷ lệ LNST/TTS bình quân (ROAA)	5,96%	4,35%	2,61%	2,14%	1,42%
Tỷ lệ LNST/VCSH bình quân (ROAE)	12,88%	14,85%	17,22%	18,26%	12,42%
Tỷ lệ nợ xấu (NPL)	0,00%	0,28%	0,42%	2,14%	2,71%
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%/năm)	9,00%	13,00%	15,00%	15,00%	10,00%

## Tăng trưởng về quy mô hoạt động

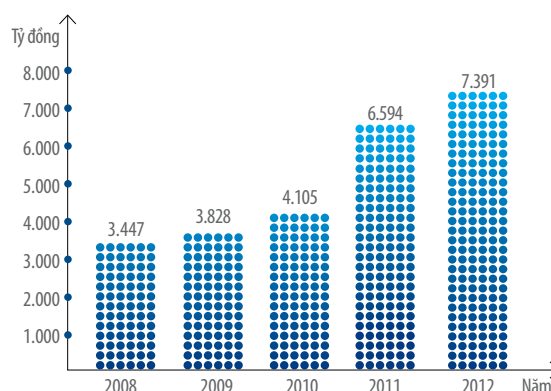
Trong vòng 5 năm kể từ khi đi vào hoạt động, tổng tài sản của LienVietPostBank liên tục tăng mạnh, từ mức 7.453 tỷ đồng của năm 2008 đã tăng lên 66.413 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2012. Đây là một nỗ lực lớn của LienVietPostBank trong điều kiện khó khăn của nền kinh tế nói chung và ngành ngân hàng nói riêng.

### Tổng tài sản



Vốn chủ sở hữu liên tục được bổ sung qua các năm. Trong năm 2012, LienVietPostBank đã hoàn tất phương án tăng vốn điều lệ thêm 7,49% đưa tổng vốn điều lệ lên mức 6.460 tỷ đồng. Hiện tại, với các cổ đông chính là các doanh nghiệp và định chế tài chính lớn, LienVietPostBank đã có được một cơ cấu cổ đông bền vững làm nền tảng để ổn định và phát triển kinh doanh.

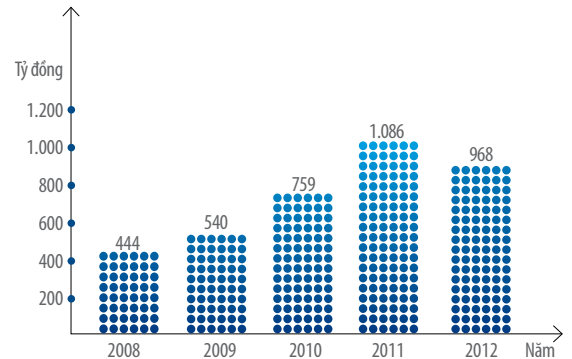
### Vốn chủ sở hữu



## Lợi nhuận

Trong điều kiện khó khăn chung của thị trường ngân hàng, nhưng với chiến lược kinh doanh phù hợp và nỗ lực của toàn hệ thống, LienVietPostBank đã đạt được kết quả tương đối khả quan trong năm 2012: lợi nhuận trước thuế đạt 968 tỷ đồng, cổ tức đạt mức 10%, đồng thời trích lập đủ dự phòng theo quy định.

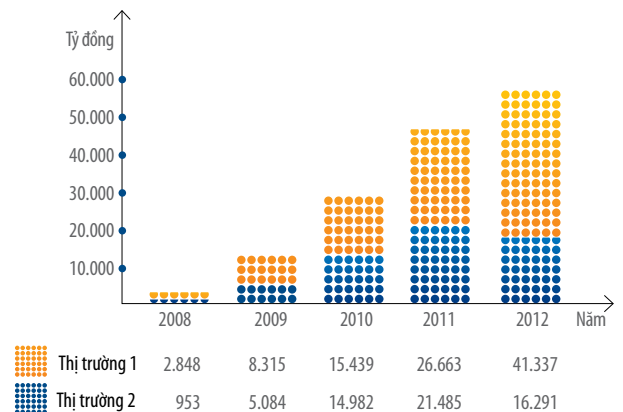
Lợi nhuận trước thuế



## Hoạt động huy động vốn

Năm 2012, thị trường diễn biến phức tạp, lãi suất huy động vốn điều chỉnh 6 lần từ 14% xuống đến 8%, song nhờ đa dạng hóa sản phẩm huy động, tăng cường chính sách chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ..., cùng với sự đóng góp từ nguồn vốn khá bền vững từ dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện, LienVietPostBank vẫn duy trì được mức tăng trưởng khá tốt về huy động, với tổng số dư tại 31/12/2012 đạt 57.628 tỷ đồng, tăng 19,69% so với năm 2011; trong đó huy động từ hệ thống Tiết kiệm Bưu điện là 10.201 tỷ đồng, chiếm 24,68% huy động vốn thị trường 1.

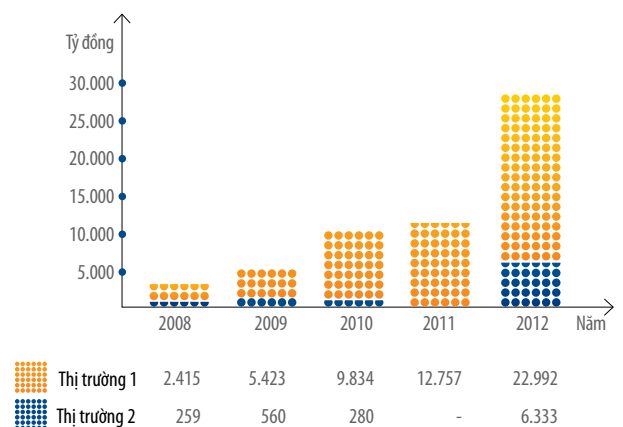
Huy động vốn



## Hoạt động tín dụng

Trên cơ sở tuân thủ các chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước về tăng trưởng tín dụng và bám sát các chính sách kinh tế của Chính phủ, trong năm 2012, LienVietPostBank tập trung cho vay theo hướng ưu tiên lĩnh vực sản xuất, nông nghiệp - nông thôn, hạn chế dư nợ không khuyến khích, chú trọng nâng cao chất lượng tín dụng, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn... Tổng số dư cho vay thị trường 1 tại 31/12/2012 đạt 22.992 tỷ đồng, trong đó dư nợ nông nghiệp - nông thôn chiếm 41,02% tổng cho vay đối với tổ chức kinh tế và cá nhân.

Dư nợ tín dụng



# HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN QUỐC TẾ





2012 là một năm đầy khó khăn và thử thách đối với hoạt động của hệ thống ngân hàng nói chung và hoạt động thanh toán quốc tế nói riêng. Nguyên nhân chủ yếu do tình hình kinh tế thế giới và trong nước diễn biến phức tạp, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu hoạt động cầm chừng hoặc phá sản, dẫn đến hoạt động thanh toán quốc tế tại các ngân hàng cũng bị hạn chế.

Tuy nhiên, với những lợi thế về thương hiệu, sản phẩm và nguồn nhân lực chất lượng cao, hoạt động thanh toán quốc tế của LienVietPostBank vẫn duy trì được đà tăng trưởng đáng khích lệ, về quy mô và tính đa dạng của sản phẩm, tạo được lòng tin vững chắc trong lòng khách hàng và các ngân hàng đại lý. Kết quả đạt được cụ thể như sau:

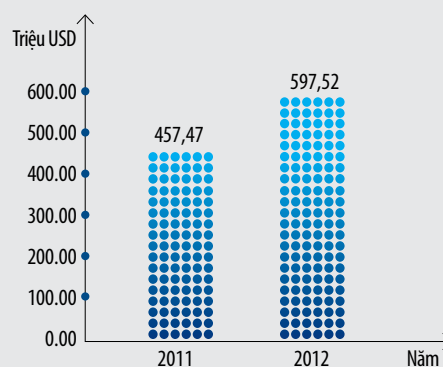
Doanh số thanh toán quốc tế năm 2012 đạt gần 598 triệu USD – tăng 30,62% so với năm trước.

Đặc biệt, doanh số thanh toán L/C xuất khẩu qua LienVietPostBank đạt gần 63 triệu USD – tăng 207% so với năm trước.

Hoạt động thanh toán xuất nhập khẩu của LienVietPostBank trải rộng trên khắp các thị trường Mỹ, Đài Loan, Hồng Kông, Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và Châu Âu ... với mạng lưới gồm 402 ngân hàng tại 46 thị trường trên toàn cầu.

Ba năm liên tiếp nhận được nhận chứng chỉ “Xử lý điện chuẩn - Thanh toán quốc tế xuất sắc” do Ngân hàng Wells Fargo của Mỹ cấp. Bên cạnh đó, LienVietPostBank vẫn tiếp tục mở rộng tài trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu. Trong năm 2013, LienVietPostBank tiếp tục giữ vững thị phần thanh toán xuất nhập khẩu, đẩy mạnh thanh toán xuất khẩu: Tăng tính cạnh tranh về sản phẩm, tập trung hơn nữa vào việc giữ và phát triển đối tượng khách hàng xuất khẩu.

**Doanh số thanh toán quốc tế**



# HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

Trong năm 2012, các hoạt động kinh doanh trên thị trường quốc tế vẫn tiếp tục được triển khai. LienVietPostBank đã tích cực xúc tiến gỡ gỡ, thương thảo và “bắt tay” với nhiều đối tác nước ngoài lớn và tiềm năng, trong đó chủ yếu là các định chế tài chính phát triển và các định chế tài chính đa phương nhằm tìm kiếm các cơ hội kinh doanh mới, đặc biệt là trong lĩnh vực huy động vốn quốc tế, hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ phát triển. Các dự án kinh doanh quốc tế đã đạt được trong các năm trước, giờ đây tiếp tục đem lại cho Ngân hàng những khoản thu đáng kể trong năm 2012.

Quý I/2012, Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới (the World Bank), đã gia tăng hạn mức tài trợ thương mại cho LienVietPostBank lên 20 triệu USD từ mức 5 triệu USD trong Chương trình Tài trợ thương mại toàn cầu (GTFP), tạo điều kiện để Ngân hàng có thể hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam mở rộng hoạt động xuất nhập khẩu và tạo thêm việc làm trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế. Từ khi bắt đầu triển khai vào năm 2005, Chương trình GTFP của IFC đã giúp mở rộng và nâng cao năng lực tài trợ thương mại của các ngân hàng nội địa đối với các doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại những thị trường mà các nguồn tài trợ thương mại còn bị hạn chế. LienVietPostBank là một

trong số 200 ngân hàng phát hành tại hơn 90 nước đang phát triển tham gia GTFP. Việc nâng hạn mức cho LienVietPostBank lần này thể hiện ý chí và nguyện vọng của IFC và Ngân hàng trong nỗ lực tìm kiếm những nguồn tài trợ mới cho các doanh nghiệp tư nhân của Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, qua đó tạo thêm công ăn việc làm cho xã hội. Việc gia tăng hạn mức lần này càng có ý nghĩa hơn trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang còn nhiều khó khăn, thanh khoản toàn cầu đang bị thu hẹp, khả năng tìm kiếm các nguồn vốn mới còn nhiều hạn chế. Trong năm 2012, với tư cách là thành viên của GTFP, LienVietPostBank ngày càng khẳng định được uy tín và tiếp cận nguồn vốn dễ dàng hơn với các đối tác như JP Morgan Chase, Wells Fargo, ICBC...

Quý II/2012, LienVietPostBank chính thức tham gia Dự án Tài chính Nông thôn III do Hiệp hội Phát triển Quốc tế (IDA), thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới (the World Bank) tài trợ nhằm mục tiêu gia tăng lợi ích kinh tế cho các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân và các cá nhân/hộ gia đình ở khu vực nông thôn, nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính một cách bền vững, từ đó tạo thêm công ăn việc làm cho khu vực nông thôn. LienVietPostBank tham gia cả 2 Quý của Dự án:



- Nguồn vốn vay lại từ Quỹ Phát triển nông thôn III (RDF III) sẽ tài trợ các khoản chi phí đầu tư vào tài sản để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh và vốn lưu động có liên quan cho các cá nhân/hộ gia đình hoặc doanh nghiệp vừa và nhỏ thuộc khu vực kinh tế tư nhân hoạt động tại Việt Nam.
- Nguồn vốn vay lại từ Quỹ Cho vay tài chính nông thôn III (MLF III) sẽ tài trợ các khoản đầu tư ngắn hạn và trung hạn phục vụ cho hoạt động sản xuất - kinh doanh, cung cấp dịch vụ nhằm mục tiêu phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn cá nhân/hộ gia đình hoặc doanh nghiệp vì mô hoạt động tại Việt Nam.
- Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng nhận được khoản hỗ trợ từ dự án các chương trình đào tạo, xây dựng năng lực và đặc biệt là nhận được khoản vay ưu đãi của dự án trong Cấu phần tăng cường năng lực thể chế.

Trong khuôn khổ hợp tác với Hiệp hội Ngân hàng Tiết kiệm Thế giới (WSBI), LienVietPostBank, với sự giúp đỡ của đối tác, đã tích cực thực hiện chiến lược tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính cho các đối tượng nghèo và khu vực nông thôn trong Chương trình “Nâng gấp đôi số lượng tài khoản tiết kiệm cho người nghèo” thử nghiệm tại Bắc Ninh. Quý II/2012, LienVietPostBank và WSBI đã chính thức ký kết Biên bản ghi nhớ cho giai đoạn 2 của Chương trình “Nâng gấp đôi số lượng tài khoản tiết kiệm cho người nghèo”. Lần này, Chương trình sẽ tập trung chủ yếu vào việc hỗ trợ vốn và kỹ thuật trong lĩnh vực thanh toán không dùng tiền mặt và phát triển sản phẩm mới cho LienVietPostBank. Để khởi động cho giai đoạn 2 của Chương trình, WSBI đã tài trợ toàn bộ chi phí cho đoàn cán bộ LienVietPostBank sang thực địa tại Kenya nhằm học hỏi mô hình M-Pesa, một mô hình nổi tiếng thành công trên thế giới trong việc đưa dịch vụ tài chính đến với các đối tượng khó có cơ hội tiếp cận dịch vụ tài chính thông qua điện thoại di động. Tại Kenya, đoàn cán bộ LienVietPostBank đã được đi thăm thực địa và gặp gỡ với các chuyên gia đầu tiên đặt nền móng cho M-Pesa, tiếp cận cách thức tổ chức, phân phối, marketing cho sản phẩm và đúc kết được các nhân tố thành công của sản phẩm này tại thị trường Kenya để sau này áp dụng tại Việt Nam.

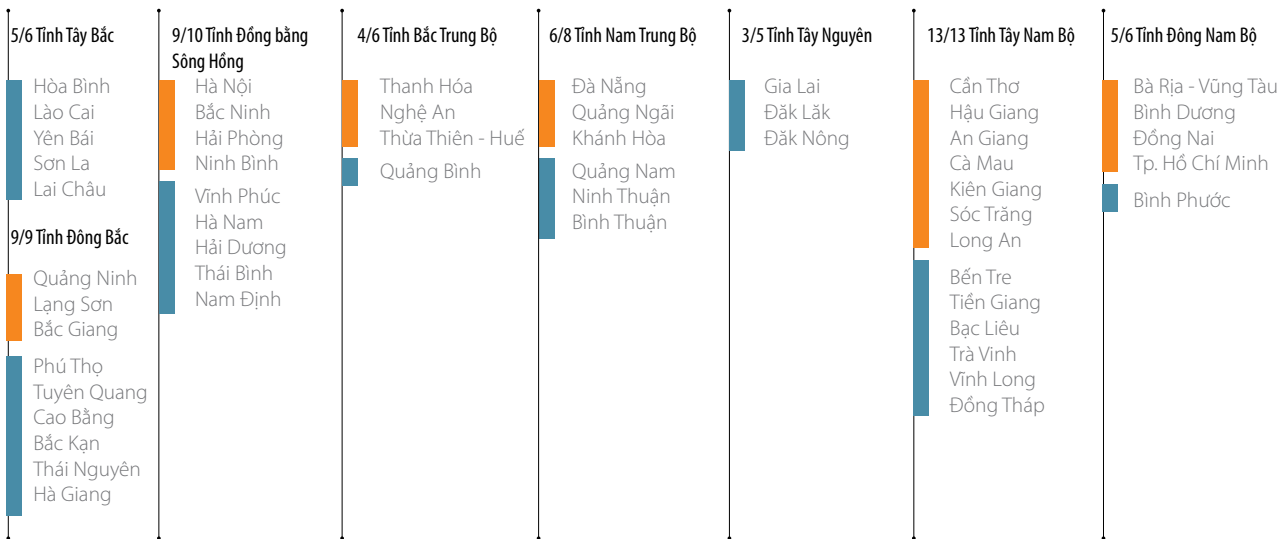


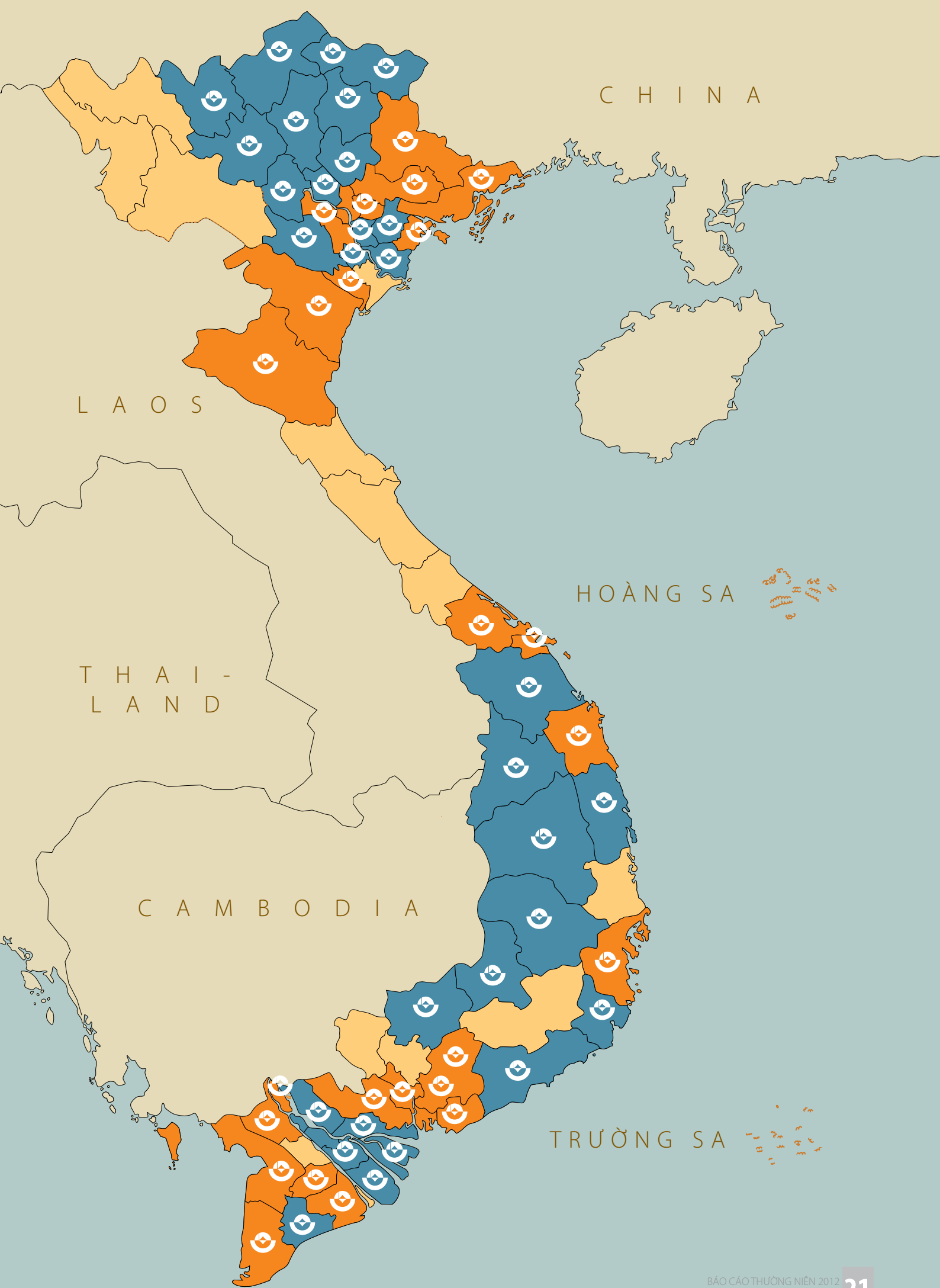
# HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI

Liên tục trong những năm qua, công tác phát triển mạng lưới luôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và được ưu tiên hàng đầu. Đặc biệt, sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam (nay là Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam) góp vốn vào LienVietBank bằng giá trị Công ty Dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện và bằng tiền mặt, LienVietBank đã đổi tên thành LienVietPostBank và đã tích cực đẩy mạnh phát triển hệ thống mạng lưới, phấn đấu triển khai dịch vụ ngân hàng đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế tại hơn 10.000 điểm giao dịch của hệ thống Bưu điện trên toàn quốc.

Tuy mới trải qua 5 năm xây dựng và phát triển, đến cuối 2012, LienVietPostBank đã có Chi nhánh tại 24 tỉnh. Tổng số Chi nhánh/Sở Giao dịch, Phòng Giao dịch, Quý Tiết kiệm trên toàn quốc tính đến 31/12/2012 đã lên đến 63 điểm; Dự kiến đến hết 2013, LienVietPostBank sẽ có Chi nhánh tại 54 tỉnh/thành trên toàn quốc.

Mạng lưới rộng khắp cũng là một lợi thế để LienVietPostBank phát triển hoạt động bán lẻ và dịch vụ trên toàn quốc, đồng thời góp phần tích cực vào công tác phát triển nông nghiệp, nông thôn theo chủ trương của Chính phủ.





# HOẠT ĐỘNG NHÂN SỰ VÀ ĐÀO TẠO

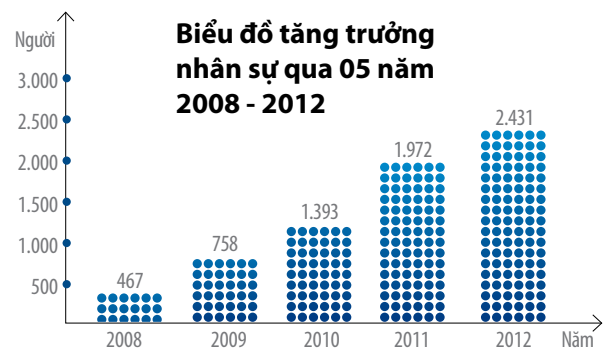
## Nguồn nhân lực

### Yếu tố then chốt cho thành công của **LienVietPostBank**

Sau 5 năm thành lập, LienVietPostBank đã tạo được bước phát triển đột phá và lọt vào Top 10 ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam về cả quy mô kinh doanh và số lượng nhân sự.

### Sự phát triển về mặt nhân sự của LienVietPostBank sau 5 năm thành lập

Trong 5 năm qua, cùng với sự phát triển của mạng lưới các Chi nhánh, Phòng Giao dịch trực thuộc, số lượng cán bộ nhân viên (CBNV) của LienVietPostBank đã tăng lên không ngừng. So với thời điểm mới thành lập (tháng 3/2008), số lượng CBNV hiện nay đã tăng hơn 5 lần, lên gần 2.500 người. Bên cạnh số lượng CBNV trên, sau sự kiện Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam (nay là Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam - VNPost) hợp tác góp vốn vào Ngân hàng Liên Việt bằng giá trị Công ty Dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện và bằng tiền mặt, LienVietPostBank có thêm khoảng 20.000 CBNV của VNPost tham gia cung cấp các dịch vụ của Ngân hàng tại trên 10.000 điểm giao dịch thuộc mạng lưới Bưu điện.



## Công tác nhân sự và đào tạo trong năm 2012

Đi đôi với việc phát triển về số lượng nhân sự, LienVietPostBank cũng rất chú trọng đến việc phát triển chất lượng nguồn nhân lực. Điều này thể hiện chất lượng tuyển dụng đầu vào và quá trình đào tạo cho CBNV. Phần lớn CBNV được tuyển dụng vào Ngân hàng đã tốt nghiệp các trường đại học đầu ngành như Đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Tài chính, Học viện Ngân hàng, Đại học Ngoại thương và các trường Đại học danh tiếng ở Anh, Mỹ, Pháp, Úc, Đức... Hiện tại, tỷ lệ CBNV có trình độ trên Đại học là 7%, tỷ lệ có trình độ Đại học chiếm trên 85%.

Sau khi tuyển dụng được nhân sự có chất lượng, công tác đào tạo sẽ là bước tiếp theo để xây dựng đội ngũ CBNV có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công việc.

Trên cơ sở Khung chương trình đào tạo được Hội đồng Quản trị (HĐQT) ban hành, đã có gần 4.000 lượt CBNV được tham gia đào tạo thông qua 105 khóa đào tạo do Ngân hàng tổ chức và 22 khóa đào tạo cử CBNV đi học bên ngoài. Vai trò, trách nhiệm của cấp quản lý đối với việc đào tạo nhân viên cũng được chế tài hóa với việc ban hành quy định về đào tạo nội bộ tại đơn vị (qua đó công tác đào tạo nội bộ tại đơn vị đã được triển khai từ Hội sở đến các Chi nhánh với 605 buổi đào tạo được tổ chức). Việc đào tạo kỹ năng cũng đặc biệt được chú trọng khi lần đầu tiên cấp quản lý tại Hội sở được đào tạo về kỹ năng thuyết trình, toàn bộ cấp Trưởng/Phó phòng tại Hội sở và Chi nhánh được đào tạo về kỹ năng quản lý. Một điểm đáng ghi nhận nữa là việc đào tạo kỹ năng giao tiếp cho nhân viên tân tuyển và cấp nhân viên toàn hệ thống (14 lớp với 385 lượt học viên) đã được triển khai và thực hiện bởi chính những giảng viên của Phòng Đào tạo. Công tác đào tạo cũng đóng góp tích cực đối với việc tiếp nhận và quản lý hoạt động Tiết kiệm Bưu điện khi đã thực hiện việc đào tạo cho 23 khóa với 1.359 lượt học viên thuộc VNPost. Tất cả các khóa đào tạo đều được Ngân hàng tài trợ tiền học phí, ăn, ở và đi lại.

## Chính sách lương thưởng, đãi ngộ

Hiện nay, mức lương bình quân của CBNV Ngân hàng là 11,4 triệu đồng/người/tháng. Mức thu nhập của năm 2012 so với năm 2011 đã tăng 10,7%. Trong hoàn cảnh kinh tế khó khăn như hiện nay, rất nhiều ngân hàng đang thực hiện chính sách cắt giảm nhân sự và tiền lương thì chủ trương của HĐQT LienVietPostBank là không cắt giảm lương của CBNV cũng đã tạo nên niềm tin tưởng lạc quan và sự gắn bó của CBNV với Ngân hàng.

Với mục tiêu tạo sự hài lòng, tận tâm và gắn bó của CBNV đối với Ngân hàng, trong năm 2012, các chế độ phúc lợi đối với người lao động đã được Ngân hàng quan tâm thực hiện đầy đủ và kịp thời. Công tác khám sức khỏe định kỳ, mua bảo hiểm sức khỏe tai nạn cho người lao động được quan tâm đặc biệt theo hướng gia tăng quyền lợi cho CBNV. Các chế độ liên quan (BHXH, BHYT, BHTN) cũng được Ngân hàng thực hiện kịp thời và theo đúng quy định của Nhà nước.

Ngoài lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ khác, Ngân hàng ghi nhận cống hiến và sự gắn bó của CBNV bằng việc bổ nhiệm lên các vị trí cao hơn đối với nhân sự có năng lực. Theo thống kê sơ bộ, số lượng CBNV gắn bó với Ngân hàng trên 5 năm là 150 người, trên 4 năm là 398 người. Rất nhiều người trong số họ sau thời gian cống hiến đã được đề bạt giữ chức vụ quan trọng trong bộ máy lãnh đạo của Ngân hàng như Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng/Phó phòng...

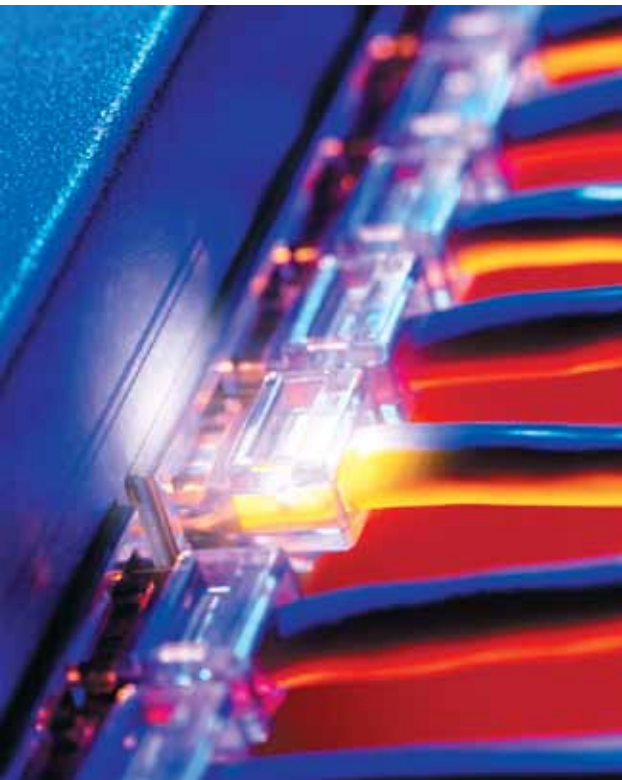
Với định hướng đúng đắn của HĐQT, sự chỉ đạo sát sao của Ban Tổng Giám đốc, công tác nhân sự và đào tạo trong năm 2013 và những năm tiếp theo sẽ tiếp tục phát triển, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng của đội ngũ CBNV và tăng hiệu quả kinh doanh cho Ngân hàng.



# HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN







- LienVietPostBank hiện đang vận hành hệ thống mạng lưới gồm hơn 60 điểm giao dịch của Ngân hàng và hơn 1.000 Phòng Giao dịch Bưu điện cung cấp dịch vụ tiết kiệm bưu điện trên mạng lưới của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam.
- Không chỉ tự hoàn thiện hệ thống phần mềm lõi dành cho Ngân hàng, LienVietPostBank còn tự xây dựng và đã hoàn thành hệ thống phần mềm lõi dành cho các Phòng Giao dịch Bưu điện. Đây là hệ thống lần đầu tiên hoàn thiện tại Việt Nam, do người Việt Nam xây dựng 100%, dự kiến đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ tài chính cho trên 10.000 điểm giao dịch hiện có trên mạng lưới VNPost cùng kết nối, đồng bộ với hệ thống phần mềm lõi hiện tại của LienVietPostBank.
- Hệ thống máy chủ với công suất lớn, chạy phân tải và xử lý song song hàng nghìn giao dịch cùng lúc trên nhiều máy chủ đủ đáp ứng nhu cầu của hàng triệu giao dịch/phút, đảm bảo hệ thống luôn vận hành hiệu quả trong mọi tình huống hoạt động của hệ thống liên hợp cung cấp dịch vụ tài chính mô hình Ngân hàng - Bưu điện. Hệ thống dự phòng với máy chủ được đặt riêng biệt và cơ chế tự động sao lưu dữ liệu nhằm đảm bảo an toàn tối đa cho hệ thống cơ sở dữ liệu và đảm bảo tính liên tục của dịch vụ trong mọi trường hợp.
- Xây dựng thành công và đang tiến hành triển khai dịch vụ thu hộ tiền điện, thu/chi hộ công ty chứng khoán, thu hộ ngân sách Nhà nước...
- Xây dựng thành công hệ thống thẻ và các dịch vụ Ngân hàng điện tử trên Internet (Internet Banking), trên điện thoại (Mobile Banking, SMS Banking),...
- Xây dựng thành công các ứng dụng quản lý, ứng dụng phục vụ kinh doanh, quản lý nhân sự, quản lý công văn và các ứng dụng khác.
- Đội ngũ nhân viên kỹ thuật luôn túc trực 24/24h nhằm phát hiện và xử lý mọi sự cố xảy ra trong thời gian sớm nhất.
- LienVietPostBank hiện có 96 cán bộ nhân viên công nghệ thông tin trong đó 100% có trình độ từ đại học trở lên, 80% cán bộ có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Công nghệ thông tin từ 3 năm trở lên. Hiện có 30% cán bộ nhân viên đạt được các chứng chỉ quốc tế như: Chứng chỉ Oracle, CISSP, CEH, Cisco, Microsoft...

# CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ TIÊU BIỂU

## CÁC SẢN PHẨM HUY ĐỘNG VÀ DỊCH VỤ

Với triết lý kinh doanh “Không ngừng đổi mới, phục vụ Khách hàng những sản phẩm Khách hàng cần chứ không phải sản phẩm Ngân hàng có”, LienVietPostBank luôn xác định “Phát triển đa dạng các sản phẩm dịch vụ huy động vốn tiếp tục là nhiệm vụ then chốt”. Chính vì vậy, mặc dù phải đương đầu với rất nhiều khó khăn, thách thức nói chung của ngành tài chính ngân hàng năm vừa qua, LienVietPostBank vẫn luôn không ngừng nghiên cứu, tìm hiểu, bám sát thị hiếu của khách hàng để có thể thiết kế, cải tiến và phát triển các sản phẩm, dịch vụ huy động đa dạng, tiện lợi, đáp ứng tối đa nhu cầu tài chính cho Khách hàng và đặc biệt là phù hợp với chiến lược phát triển của Ngân hàng.



### Sản phẩm Tiết kiệm Hoa trạng nguyên

Tiền thân là Sản phẩm Tiết kiệm thừa kế ra đời từ năm 2010, tuy nhiên, năm 2012 với việc gia tăng thêm tiện ích cho tính năng gửi góp, Sản phẩm “**Tiết kiệm Hoa trạng nguyên**” ngay lập tức được đông đảo Khách hàng đón nhận và trở thành món quà tài chính hữu ích dành cho đối tượng Khách hàng cá nhân. Với nhiều tính năng ưu việt so với các sản phẩm huy động trên thị trường, Tiết kiệm Hoa trạng nguyên mang đến cho Khách hàng nhiều tiện ích vượt trội: Khách hàng chủ động lựa chọn kỳ hạn, thời gian và số tiền gửi thêm vào tài khoản để được hưởng lãi suất có kỳ hạn, tập trung quản lý tiền vào một tài khoản duy nhất, đơn giản hóa công tác quản lý tiền mặt của Khách hàng.

Về mảng cung cấp các sản phẩm dịch vụ, là người đi sau nhưng Ngân hàng Bưu điện Liên Việt đã bước đầu xây dựng và triển khai thành công một số dịch vụ, qua đó, mang lại nguồn thu tương đối lớn cho Ngân hàng và nhận được sự hài lòng từ phía Khách hàng. Năm 2012, với quyết tâm đẩy mạnh mảng sản phẩm dịch vụ, Ngân hàng đã nghiên cứu để cải tiến các dịch vụ đảm bảo tính tiện ích, hỗ trợ tối đa cho Khách hàng trong đó phải kể đến Dịch vụ thu Ngân sách Nhà nước và Thu hộ tiền điện.

### Dịch vụ thu Ngân sách Nhà nước

Với Dịch vụ thu Ngân sách Nhà nước (NSNN), LienVietPostBank đã và đang hỗ trợ Khách hàng hoàn thành nghĩa vụ nộp NSNN đơn giản và nhanh chóng. Tháng 7/2012, Ngân hàng đã triển khai Dịch vụ thu Ngân sách qua phần mềm với đa dạng danh mục thuế thu nội địa như thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất kinh doanh trong nước, thuế môn bài, thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp... Trên cơ sở kết nối trực tuyến với cổng thông tin điện tử của Tổng Cục Thuế và Kho bạc Nhà nước, LienVietPostBank sẽ trợ giúp Khách hàng truy vấn và hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế ngay tại thời điểm thực hiện giao dịch, nhờ đó giúp Khách hàng rút ngắn được thời gian nộp thuế so với cách thu truyền thống.

## Dịch vụ Thu hộ tiền điện

Song song với việc phát triển Dịch vụ thu Ngân sách Nhà nước, Ngân hàng đã phối hợp với Tổng Công ty Điện lực Tp. Hồ Chí Minh và Tổng Công ty Điện lực miền Trung để triển khai Dịch vụ thu hộ tiền điện. Khách hàng chỉ cần cung cấp một trong các thông tin Mã khách hàng của EVN/giấy báo tiền điện/hóa đơn GTGT của các kỳ thanh toán trước, nhân viên Ngân hàng sẽ thay mặt Khách hàng hoàn thành nghĩa vụ thanh toán tiền điện với EVN nhanh chóng, chính xác, dễ dàng và hiệu quả. Và đặc biệt, việc triển khai Thu hộ tiền điện qua dịch vụ InternetBanking và thu hộ tự động đã hỗ trợ tích cực Khách hàng chủ động và tiết kiệm thời gian giao dịch một cách tối ưu nhất.

## Các chương trình khuyến mại

Đây được coi là điểm nhấn quan trọng trong chính sách huy động và tăng trưởng dịch vụ của LienVietPostBank nhằm tri ân tới các Khách hàng. Theo đó, LienVietPostBank đã đưa ra nhiều chương trình khuyến mại khuyến khích Khách hàng gửi tiền và sử dụng dịch vụ. Những chương trình này đã giúp cho LienVietPostBank đẩy mạnh được các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn và mang lại lợi ích to lớn, thiết thực cho nhiều Khách hàng may mắn.

Năm 2013, LienVietPostBank tiếp tục xác định nhiệm vụ phát triển sản phẩm, dịch vụ huy động vốn là nhiệm vụ then chốt. Rất nhiều sản phẩm tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn với các tính năng linh hoạt đang được Ngân hàng “thai nghén” và chuẩn bị giới thiệu ra thị trường như các sản phẩm tiết kiệm an cư, tiết kiệm dành cho các cặp đôi, các sản phẩm phái sinh như tiền gửi gắn kết đầu tư, tiền gửi song tệ hay các sản phẩm tiết kiệm điện tử... Điều này cho thấy LienVietPostBank luôn nỗ lực hết mình đồng hành cùng Khách hàng vì mục tiêu phát triển chung.

## SẢN PHẨM TÍN DỤNG TIÊU BIỂU

### Tín dụng nông nghiệp, nông thôn:

#### Đòn bẩy cho Người nông dân

Bám sát định hướng phát triển kinh tế đất nước, với nhiệm vụ mà Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng giao phó cho LienVietPostBank: “Ra đời từ tỉnh Hậu Giang, LienVietPostBank phải là Ngân hàng của bà con nông dân Hậu Giang, gắn bó với bà con bằng quan hệ tín dụng”, trong năm 2012 LienVietPostBank tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án “Đầu tư phát triển tín dụng nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu hàng hóa và công nghiệp hỗ trợ” không chỉ tại địa bàn tỉnh Hậu Giang mà Ngân hàng còn tập trung nguồn lực, lập kế hoạch tổ chức và thực hiện triển khai Đề án một cách sâu, rộng tại tất cả các vùng miền trên toàn quốc.

Với phương châm thực hiện có hiệu quả các biện pháp mở rộng tín dụng đối với khu vực nông nghiệp, nông thôn, nông dân; ưu tiên cho vay phát triển khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp xuất khẩu, doanh nghiệp thuộc các ngành công nghiệp hỗ trợ; LienVietPostBank đã góp phần tạo điều kiện cho các cá nhân, doanh nghiệp Việt Nam nâng cao chất lượng sản phẩm nông, lâm, ngư, diêm nghiệp, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu, tạo đầu ra vững chắc cho ngành kinh tế nông nghiệp hàng hoá.

Trong quá trình triển khai sản phẩm Tín dụng nông nghiệp, nông thôn, LienVietPostBank đã không chỉ mang lại nguồn tín dụng dồi dào, giá rẻ cho người Nông dân mà còn mang lại lợi ích tài chính thiết thực cho các Tổ chức xã hội như Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ, Hội nông dân đã tham gia phối hợp với LienVietPostBank thực hiện cấp tín dụng tới tay người Nông dân.

## Sản phẩm dành cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ

Trong chiến lược phát triển của LienVietPostBank, mục tiêu hỗ trợ phát triển Doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) được đặt ra là một nhiệm vụ quan trọng để góp phần vào công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo trật tự, an toàn và an sinh xã hội.

Với phương châm: “Liên kết phát triển” và thấu hiểu “Một miếng khi đói bằng một gói khi no”, LienVietPostBank luôn tạo điều kiện thuận lợi nhất để các DNVVN có thể tiếp cận tới các sản phẩm và các dự án ưu đãi dành riêng cho DNVVN.

Gói sản phẩm SME 6 ưu đãi là một trong những công cụ hỗ trợ tài chính hữu hiệu mà Ngân hàng Bưu điện Liên Việt dành cho các DNVVN với những ưu đãi vượt trội về giảm lãi suất cho vay, lãi suất thấu chi, miễn phí chuyển tiền, Internet Banking, miễn phí dịch vụ ủy thác thanh toán lương và gia tăng tỷ lệ cấp bảo lãnh trên giá trị tài sản bảo đảm.

Bên cạnh đó, các DNVVN cũng có thể tiếp cận nguồn vốn trung và dài hạn giá rẻ với nguồn vốn tài trợ mà LienVietPostBank tìm kiếm từ các tổ chức tài chính quốc tế.

Năm 2013, LienVietPostBank tiếp tục xác định nhiệm vụ phát triển sản phẩm tín dụng dành cho phát triển nông nghiệp, nông thôn và dành cho DNVVN là nhiệm vụ then chốt. Các quy trình được cải tiến, thủ tục cho vay đơn giản, thuận tiện. Rất nhiều sản phẩm tín dụng với những cơ chế ưu đãi về lãi suất và phí đang được Ngân hàng tiếp tục triển khai và xây dựng mới để tạo những sản phẩm đột phá nhằm hỗ trợ tích cực nguồn tài chính giá rẻ và bền vững tới các Khách hàng của LienVietPostBank.

# HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN, XÃ HỘI TIÊU BIỂU

## 9 ĐIỂM SÁNG TRONG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI CỦA LIENVIETPOSTBANK 2008 - 2012

"Gắn xã hội trong kinh doanh" là phương châm hoạt động mang tính lâu dài của LienVietPostBank. Song song với việc phát triển có hiệu quả các hoạt động kinh doanh, LienVietPostBank cam kết tích cực đóng góp cho cộng đồng và xã hội thông qua các hoạt động xã hội trực tiếp, các hoạt động tài trợ, các phong trào từ thiện.

Trọng tâm hoạt động xã hội của LienVietPostBank là tài trợ xây dựng công trình giáo dục - y tế - văn hóa; cung cấp trang thiết bị giáo dục - y tế; hỗ trợ địa phương nghèo phát triển bền vững; hỗ trợ phát triển khu vực nông nghiệp - nông thôn; tài trợ thể thao và cứu trợ thiên tai.

Hiện nay, LienVietPostBank đã và đang gây dựng được danh tiếng như Ngân hàng đứng số Một về Trách nhiệm Xã hội của Doanh nghiệp (CSR), theo đuổi giá trị phát triển bền vững và cam kết gắn các hoạt động với các giá trị cốt lõi.

Từ 2008 đến 12/2012, LienVietPostBank và các cổ đông sáng lập đã tích cực đóng góp trên 600 tỷ đồng cho cộng đồng và xã hội thông qua một loạt chương trình, hoạt động xã hội. Trong đó, tiêu biểu là 9 chương trình lớn:

**1 Chương trình Về quê:** Trong 5 năm hoạt động vừa qua, LienVietPostBank đã trực tiếp hoặc tham gia xây tặng, cải tạo, nâng cấp hàng chục trường học, phòng học các cấp phổ thông; phòng hội thảo, phòng đa năng của các cơ sở đào tạo đại học và trên đại học; các trạm y tế và trung tâm y tế; các nhà thờ, đền thờ liệt sỹ, đài tưởng niệm... tại các địa phương trong cả nước. Trong đó, riêng về nhóm trường học các cấp phổ thông, LienVietPostBank đã xây tặng trên 30 trường học đạt chuẩn quốc gia với giá trị lên tới hàng trăm tỷ đồng. Đồng thời, Ngân hàng cũng đã tài trợ trang thiết bị hiện đại cho nhiều cơ sở y tế và giáo dục các cấp tỉnh/thành, huyện/thị và xã/phường trong cả nước với tổng giá trị đạt hàng chục tỷ đồng.

**2 Quỹ Khuyến học, Khuyến tài:** LienVietPostBank đã tham gia sáng lập và tài trợ trên 20 tỷ đồng cho 06 Quỹ khuyến học, khuyến tài: Quỹ KHKT Phạm Văn Trà (Bắc Ninh); Quỹ KHKT Đất Tổ, Quỹ KHKT Nguyễn Khắc Nghiên (Phú Thọ), Quỹ KHKT Lương Thế Vinh (Nam Định), Quỹ KHKT Nguyễn Đan Quế (Thanh Hóa), Quỹ KHKT Đình Bộ Lĩnh (Ninh Bình) và Quỹ KHKT Chu Văn An (Hà Nội). Tổng số tiền tài trợ cho các Quỹ KHKT đã vượt 20 tỷ đồng.

**3 Chương trình học bổng Nguyễn Thái Bình – Vườn ươm Nhân tài LienVietPostBank:** Là Chương trình do LienVietPostBank đang tiến hành trên cơ sở phối hợp với Báo Thanh Niên và gần 20 trường Đại học trong cả nước. Đến nay, LienVietPostBank đã trao trên 1 tỷ đồng học bổng các loại trong khuôn khổ Chương trình này.

**4 Tài trợ Quỹ vì người nghèo:** LienVietPostBank đã tài trợ trên 40 tỷ đồng cho Quỹ vì người nghèo các tỉnh Điện Biên, Bắc Ninh, Quảng Ngãi, Hậu Giang, Cần Thơ, Bến Tre, Đồng Tháp, Tây Ninh...



5

**Đề án hỗ trợ phát triển huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang:** Từ tháng 1/2010 LienVietPostBank đã tham gia thành lập Công ty Cổ phần Phát triển Xín Mần để góp phần thực hiện nghị quyết của Đảng và chính sách của Chính phủ về hỗ trợ các địa phương nghèo phát triển (Xín Mần là 1 trong 62 huyện đặc biệt nghèo trong cả nước). Công ty Cổ phần Phát triển Xín Mần là mô hình doanh nghiệp công ích với toàn bộ lợi nhuận dành để tái đầu tư hỗ trợ huyện Xín Mần. Tới nay, Công ty đã thực hiện hàng chục dự án về xây dựng hạ tầng giao thông, y tế, giáo dục, hỗ trợ sinh kế cho cộng đồng địa phương, tăng cường giao lưu thương mại cho huyện Xín Mần. Trong 3 năm 2010, 2011 và 2012, Công ty đã triển khai gần 100 tỷ đồng từ nguồn tài trợ.

6

**Chương trình Tam Nông:** Từ năm 2010, LienVietPostBank đã triển khai Chương trình này để phát triển tín dụng cho khu vực nông nghiệp – nông thôn, góp phần hạn chế nạn cho vay nặng lãi ở khu vực này. Đến 31/12/2012, doanh số cho vay trong hơn 3 năm thực hiện Chương trình Tam Nông đạt xấp xỉ 38.380 tỷ đồng, số lượt hộ nông dân nhận tiền vay đạt xấp xỉ 43.000 Khách hàng.

7

**Trao tặng tivi:** Từ năm 2009 đến nay, LienVietPostBank đã phối hợp với Quỹ Tấm lòng Việt, Đài truyền hình Việt Nam (VTV) tặng trên 12.000 tivi cho nhiều địa phương trong cả nước và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (400 tivi cho 4 tỉnh Nam Lào). Các đối tượng nhận được tivi của LienVietPostBank trong nước tập trung thành 5 nhóm: Các hộ nghèo, giáo viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ y tế tuyến xã và các cựu chiến binh.

8

**Tài trợ thể thao:** LienVietPostBank là nhà tài trợ độc quyền cho Đội bóng chuyên nữ Thông tin – LienVietPostBank từ năm 2009 với số tiền tài trợ hàng năm trên 4 tỷ đồng. Trong 2 năm 2011 và 2012, LienVietPostBank đã phối hợp cùng Liên đoàn Bóng chuyên Việt Nam và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh tổ chức thành công Giải bóng chuyên nữ Cup LienVietPostBank. Đây là giải thuộc hệ thống giải thi đấu thường niên của Liên đoàn Bóng chuyên Việt Nam. LienVietPostBank còn là nhà tài trợ lớn của Đoàn thể thao Việt Nam tại các kỳ SEA Games 25 và 26.

9

**Trao tặng cặp phao cứu sinh:** LienVietPostBank đã phối hợp với Quỹ Bảo trợ trẻ em trao tặng gần 2000 cặp phao cứu sinh cho trẻ em vùng sông nước tỉnh Bắc Giang, Bắc Kạn, Hậu Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp...



# ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2013 & 5 NĂM TỚI

TS. Nguyễn Đức Hường  
Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT Ngân hàng Bưu điện Liên Việt

## I. CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2017
Tổng tài sản:	86.000 tỷ đồng	200.000 tỷ đồng
Dư nợ tín dụng	> 40.000 tỷ đồng	120.000 tỷ đồng
Huy động thị trường 1:	60.000 tỷ đồng	160.000 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế:	1.377 tỷ đồng	2.700 tỷ đồng
Tỷ lệ chi trả cổ tức:	12%	15%
Vốn điều lệ:	6.647 tỷ đồng	15.000 tỷ đồng

### Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục tái cấu trúc mô hình; tận dụng thị trường mới, cơ hội mới; mở rộng liên doanh, liên kết và tiến tới chuẩn hóa quy chế, quy định, quy trình theo chuẩn mực quốc tế, đặc biệt chú ý quy trình chăm sóc, lôi kéo khách hàng, xây dựng thương hiệu; phát hiện, xử lý nợ có vấn đề, nợ xấu; đào tạo và đào tạo lại nhân sự toàn hệ thống, chú ý tay nghề và đạo đức nghề nghiệp; đảm bảo không phát triển nóng, an toàn bền vững, thượng tôn Pháp luật,... thực hiện tốt chất lượng 4 trụ cột chính: quy mô tổng tài sản, nguồn nhân lực, hiện đại hóa, quản trị điều hành theo chuẩn mực quốc tế.

## II. ĐỊNH HƯỚNG

Tiếp tục thực hiện chiến lược dài hạn của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt: trở thành “Ngân hàng của mọi người” – “Bán lẻ – Dịch vụ – Kinh doanh đa năng” với phương châm: “Sức mạnh – Đổi mới – Hiệu quả – Bền vững – An toàn”.

## III. GIẢI PHÁP

1. Giữ được nguồn vốn đã có và huy động thêm nguồn vốn giá rẻ đảm bảo lãi suất bình quân đầu vào thấp, sẵn sàng cho vay với trần lãi suất thấp và tìm các sản phẩm đầu tư trái phiếu trong lúc cho vay ra khó khăn (ít nhất là năm 2013, năm 2014, sau đó có thể lại đổi đầu với lạm phát và lãi suất cao).
2. Tập trung xử lý nợ xấu và nợ có vấn đề tiềm ẩn rủi ro; đồng thời thực hiện thu hồi vốn đã cho vay nhằm tránh thất thoát vốn để tăng thu nhập và bổ sung nguồn vốn cho vay mới.
3. Trong điều kiện nền kinh tế của Việt Nam và thế giới đang tiếp tục khó khăn hậu khủng hoảng kinh tế ngày càng rõ rệt, nhưng “trong nguy có cơ” nên vốn cho vay ra chỉ có hiệu quả khi có các sản phẩm mới phù hợp; trước mắt, Ngân hàng Bưu điện Liên Việt tập trung vào các sản phẩm bán lẻ, tìm thị trường tương ứng như cho vay thông qua liên doanh, liên kết với cổ đông chiến lược, thanh toán biên mậu Trung Quốc, thắt chặt điều kiện cho vay bán buôn. Xúc tiến cho vay các dự án quốc gia có bảo lãnh của Chính phủ.
4. Tiến hành phân tích hiệu quả các sản phẩm đầu tư để đưa ra giải pháp “cắt lãi” hoặc “cắt lỗ” các sản phẩm phái sinh đã đầu tư ra quốc tế thời gian qua để thu hồi vốn kịp thời năm 2013 và tìm các sản phẩm mới phù hợp, hiệu quả cho những năm tới.
5. Phát động phong trào “Phân tích hoạt động kinh tế” sâu rộng, thường xuyên nhằm đúc kết phát hiện kịp thời những cái được và chưa được trong hoạt động toàn hệ thống Ngân hàng Bưu điện Liên Việt và từng Chi nhánh, bộ phận nghiệp vụ; phân tích kinh tế ngành nói riêng, kinh tế xã hội Việt Nam và quốc tế nói chung làm cơ sở định hướng chiến lược, bổ sung giải pháp kịp thời là một nhiệm vụ; chú trọng hơn nữa chất lượng hoạt động kiểm toán; kiểm soát trước, trong, sau... mọi hoạt động nghiệp vụ, tránh tình trạng “giật mình” chạy theo hậu quả đã rồi.
6. Tập trung tư duy nâng cao chất lượng các hoạt động:
  - Quản trị nguồn nhân lực;
  - Quản trị điều hành theo chuẩn mực quốc tế;
  - Văn hóa doanh nghiệp, định vị thương hiệu tập thể và cá nhân;
  - PR theo chiều sâu trên cơ sở phát huy 2 yếu tố quyết định là sản phẩm mới, tiện ích và thái độ giao tiếp khách hàng với kỹ năng chuyên nghiệp; tiếp thị, truyền thông

2 yếu tố trên theo hướng “Gắn xã hội trong kinh doanh” và thông qua các hoạt động xã hội hóa của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt;

- Phân tích hoạt động kinh tế ngành ở tầm vĩ mô, dự báo cơ chế chính sách đưa ra giải pháp là một nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên trong chỉ đạo điều hành.
7. Cùng với việc khai thác tối đa hiệu quả mạng lưới hoạt động của hệ thống tiết kiệm bưu điện, tiến hành xây dựng và tổ chức thực hiện để án liên doanh, liên kết toàn diện các hoạt động dịch vụ tài chính với Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SABECO), Xổ số, Bảo hiểm Xã hội và các dự án ODA World Bank... Đây chính là những tiềm năng quyết định quy mô hoạt động của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt năm 2013 và 5 năm tới.
  8. Trong 5 năm tới, dành thời gian 2 năm đầu tập trung củng cố, tái cơ cấu, giữ ổn định những thành quả đạt được 5 năm đầu thiết lập hoạt động, phát huy những ưu điểm, khắc phục tồn tại tạo lực đủ mạnh cho sức bật 3 năm sau (2015, 2016, 2017).
  9. Đẩy mạnh quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài sau khi nội lực Ngân hàng Bưu điện Liên Việt thực sự đủ mạnh, khẳng định được vị thế trong top 5 ngân hàng thương mại cổ phần mạnh nhất Việt Nam, trong đó trong top 2 ngân hàng thương mại cổ phần có mạng lưới bán lẻ lớn, hiệu quả nhất.
  10. Thực hiện tốt các tôn chỉ hoạt động của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt:
    - **Đối với quản trị điều hành:**
      - 18 chữ vàng: “Tâm huyết – Đổi mới – Minh bạch – Đoàn kết – Lắng nghe – Thấu hiểu – Bàn bạc – Quyết định – Quyết liệt”.
      - “Tập trung hóa – Văn bản hóa – Số hóa – Kịch bản hóa – Cụ thể hóa – Minh bạch hóa – Hiện đại hóa – Chuyên nghiệp hóa”.
    - **Đối với xã hội:** Gắn xã hội trong kinh doanh, Thương tôn Pháp luật.
    - **Đối với thương trường:** Chỉ có đối tác, Không có đối thủ.
    - **Đối với Cán bộ Nhân viên:** Sống bằng lương, Giàu bằng thưởng.
    - **3 điều hướng tâm của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt:**
      - Không có con người – Dự án vô ích
      - Không có Khách hàng – Ngân hàng vô ích
      - Không có Tâm – Tín – Tài – Tầm, Ngân hàng Bưu điện Liên Việt vô ích
    - **Giá trị văn hóa cốt lõi:** Kỷ cương – Sáng tạo – Nhân bản



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT CHO NĂM KẾT THÚC  
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**



## NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT

Thông tin về Ngân hàng

Giấy phép Ngân hàng số 91/GP-NHNN Ngày 28 tháng 3 năm 2008

Giấy phép hoạt động Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp.

### Hội đồng Quản trị

Ông Dương Công Minh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Hưởng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Cử	Thành viên
Ông Trần Việt Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Huynh	Thành viên
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên (từ ngày 23/04/2012)
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên (từ ngày 23/04/2012)
Ông Đỗ Ngọc Bình	Thành viên (đến ngày 23/04/2012)

### Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Doãn Sơn	Tổng Giám đốc (từ ngày 24/04/2012)
Ông Lê Hồng Phong	Tổng Giám đốc (đến ngày 27/03/2012)
Ông Đoàn Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tô Văn Chánh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thu Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Gấm	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nghiêm Sỹ Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Ánh Vân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Nam Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Gấm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 9/04/2012)

### Trụ sở đăng ký

32 Nguyễn Công Trứ, Phường 1, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

### Công ty kiểm toán:

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

## NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT

### BÁO CÁO CỦA BAN QUẢN LÝ

Ban quản lý Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 mà từ đó báo cáo tài chính tóm tắt đính kèm được lập ra, theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban quản lý:

Báo cáo tài chính tóm tắt được trình bày từ trang 32 đến trang 66 đã được lập và trình bày nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính mà từ đó báo cáo tài chính tóm tắt này được lập ra.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban quản lý Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính tóm tắt này.

Thay mặt Ban quản lý



**Phạm Doãn Sơn**  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2013



**KPMG Limited**

46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,  
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,  
Me Tri, Tu Liem, Hanoi City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone: +84 (4) 3946 1600  
Fax: +84 (4) 3946 1601  
Internet: www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT**

**Kính gửi các Cổ đông  
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam báo cáo tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt ("Ngân hàng") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 mà từ đó báo cáo tài chính tóm tắt đính kèm được trích lập. Trong báo cáo kiểm toán của chúng tôi phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2013, chúng tôi đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính mà từ đó báo cáo tài chính tóm tắt này được trích lập.

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tóm tắt đính kèm là nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính mà từ đó báo cáo tài chính tóm tắt này được trích lập.

Để có thể hiểu rõ hơn về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh kèm theo của Ngân hàng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như về phạm vi của công việc kiểm toán, báo cáo tài chính tóm tắt này phải được đọc trong mối liên hệ với báo cáo tài chính mà từ đó báo cáo tài chính tóm tắt này được trích lập cùng với báo cáo kiểm toán tương ứng.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 12-02-010/2



**Trần Đình Vinh**

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0339/KTV  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2013

**Nguyễn Minh Hiếu**

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.1572/KTV

		Thuyết minh	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN</b>			
<b>I</b>	<b>Tiền mặt tại quỹ</b>	<b>3</b>	<b>182.778</b>	<b>164.049</b>
<b>II</b>	<b>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>	<b>4</b>	<b>3.216.017</b>	<b>1.390.298</b>
<b>III</b>	<b>Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác</b>	<b>5</b>	<b>15.399.469</b>	<b>19.838.675</b>
1	Tiền gửi		9.065.993	19.838.675
2	Tiền cho vay		6.333.476	-
<b>IV</b>	<b>Chứng khoán kinh doanh</b>		<b>1</b>	<b>1</b>
1	Chứng khoán kinh doanh		1	1
<b>V</b>	<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>	<b>6</b>	<b>-</b>	<b>38.840</b>
<b>VI</b>	<b>Cho vay khách hàng</b>		<b>22.588.295</b>	<b>12.639.981</b>
1	Cho vay khách hàng	7	22.991.681	12.757.139
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	8	(403.386)	(117.158)
<b>VII</b>	<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>9</b>	<b>15.515.782</b>	<b>16.819.516</b>
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		15.515.782	16.819.516
<b>VIII</b>	<b>Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>24.731</b>	<b>24.731</b>
4	Đầu tư dài hạn khác		24.731	24.731
<b>IX</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>747.476</b>	<b>601.242</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	11	430.403	323.148
a	Nguyên giá		597.806	427.899
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(167.403)	(104.751)
3	Tài sản cố định vô hình	12	317.073	278.094
a	Nguyên giá		343.799	298.427
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(26.726)	(20.333)
<b>XI</b>	<b>Tài sản có khác</b>	<b>13</b>	<b>8.738.148</b>	<b>4.615.003</b>
1	Các khoản phải thu		6.747.556	2.918.912
2	Các khoản lãi, phí phải thu		1.325.398	866.202
4	Tài sản có khác		665.194	829.889
	<i>Trong đó: Lợi thế thương mại</i>		588.257	738.929
	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>66.412.697</b>	<b>56.132.336</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính tóm tắt này

		Thuyết minh	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
<b>B</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
<b>I</b>	<b>Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>	<b>14</b>	<b>4.872</b>	<b>1.000.000</b>
<b>II</b>	<b>Tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác</b>	<b>15</b>	<b>16.281.973</b>	<b>20.485.120</b>
1	Tiền gửi		9.147.622	16.942.320
2	Tiền vay		7.134.351	3.542.800
<b>III</b>	<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>16</b>	<b>41.336.683</b>	<b>25.657.567</b>
<b>IV</b>	<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác</b>	<b>6</b>	<b>18.419</b>	<b>-</b>
<b>V</b>	<b>Vốn tài trợ và ủy thác đầu tư</b>	<b>17</b>	<b>3.911</b>	<b>-</b>
<b>VI</b>	<b>Phát hành giấy tờ có giá</b>	<b>18</b>	<b>300</b>	<b>1.004.813</b>
<b>VII</b>	<b>Các khoản nợ khác</b>	<b>19</b>	<b>1.375.537</b>	<b>1.390.835</b>
1	Các khoản lãi, phí phải trả		685.639	582.087
3	Các khoản phải trả và công nợ khác		678.766	798.298
4	Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng		11.132	10.450
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>59.021.695</b>	<b>49.538.335</b>
	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
<b>VIII</b>	<b>Vốn và các quỹ</b>	<b>20</b>	<b>7.391.002</b>	<b>6.594.001</b>
1	Vốn cổ phần		6.523.331	6.073.331
a	Vốn điều lệ		6.460.000	6.010.000
b	Thặng dư vốn cổ phần		63.331	63.331
2	Các quỹ		512.995	387.111
5	Lợi nhuận chưa phân phối		354.676	133.559
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>66.412.697</b>	<b>56.132.336</b>

31/12/2012  
Triệu VND

31/12/2011  
Triệu VND

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>I NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN</b>			
1	Bảo lãnh	963.984	532.026
2	Thư tín dụng	1.067.005	909.655
<b>II CAM KẾT KHÁC</b>			
1	Các hợp đồng hoán đổi ngoại tệ	1.032.382	3.816.585
2	Các hợp đồng mua bán ngoại tệ chưa đến hạn	1.401.568	13.147

Người lập



**Bà Nguyễn Thị Gấm**

Kế toán trưởng

Người duyệt



**Ông Phạm Doãn Sơn**

Tổng Giám đốc

29 - 03 - 2013

		Thuyết minh	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	21	6.341.079	5.193.132
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	21	(3.887.371)	(3.135.463)
<b>I</b>	<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>21</b>	<b>2.453.708</b>	<b>2.057.669</b>
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	22	39.153	39.314
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	22	(183.399)	(79.763)
<b>II</b>	<b>Lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>22</b>	<b>(144.246)</b>	<b>(40.449)</b>
<b>III</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>23</b>	<b>31.736</b>	<b>103.318</b>
<b>V</b>	<b>Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>24</b>	<b>(14.214)</b>	<b>(23.155)</b>
5	Thu nhập từ hoạt động khác		51.497	43.458
6	Chi phí hoạt động khác		(67.371)	(39.827)
<b>VI</b>	<b>(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động khác</b>		<b>(15.874)</b>	<b>3.631</b>
<b>VIII</b>	<b>Chi phí hoạt động</b>	<b>25</b>	<b>(1.036.472)</b>	<b>(939.539)</b>
<b>IX</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>1.274.638</b>	<b>1.161.475</b>
<b>X</b>	<b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>26</b>	<b>(306.953)</b>	<b>(75.194)</b>
<b>XI</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>967.685</b>	<b>1.086.281</b>
7	Chi phí thuế thu nhập hiện hành	27	(99.525)	(109.253)
<b>XII</b>	<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>27</b>	<b>(99.525)</b>	<b>(109.253)</b>
<b>XIII</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>868.160</b>	<b>977.028</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính tóm tắt này

		Thuyết minh	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
<b>XV</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>28</b>	<b>1.275</b>	<b>1.776</b>
<b>XVI</b>	<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>Không áp dụng</b>	<b>1.679</b>	<b>1.679</b>

Người lập



**Bà Nguyễn Thị Gấm**

Kế toán trưởng

Người duyệt



**Ông Phạm Doãn Sơn**

Tổng Giám đốc

29 - 03 - 2013

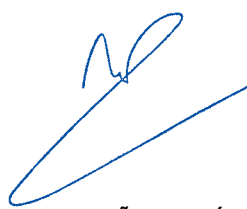


	Thuyết minh	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	5.881.883	5.069.051
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(3.783.819)	(3.035.861)
03	Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ nhận được	(144.246)	(40.449)
04	Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ và chứng khoán	17.522	80.163
05	Chi phí khác	(15.874)	(26.621)
07	Tiền chi trả chi nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(926.799)	(732.920)
08	Thuế thu nhập thực nộp trong năm	(88.235)	(92.183)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động</b>	<b>940.432</b>	<b>1.221.180</b>
<b>Thay đổi về tài sản hoạt động</b>			
09	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(5.771.084)	(1.826.333)
10	Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh	1.303.734	(824.339)
11	Các công cụ tài chính phái sinh và tài sản tài chính khác	-	(38.840)
12	Các khoản cho vay khách hàng	(10.234.542)	(2.923.436)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp các tổn thất các khoản cho vay khách hàng	(17.373)	(4.967)
14	Tài sản hoạt động khác	(3.663.949)	20.577
<b>Thay đổi về nợ hoạt động</b>			
15	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN Việt Nam	(995.128)	(1.601.385)
16	Tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác	(4.203.147)	8.103.864
17	Vốn tài trợ và ủy thác đầu tư	3.911	(40.000)
18	Tiền gửi của khách hàng	15.679.116	6.787.435
19	Phát hành giấy tờ có giá	(1.004.513)	(79.765)
20	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	18.419	(23.165)
21	Nợ hoạt động khác	(204.281)	556.136
22	Chi từ các quỹ	-	(33.568)
<b>I</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	<b>(8.148.405)</b>	<b>9.293.394</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
01	Mua sắm tài sản cố định	(221.434)	(284.715)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.697	236
<b>II</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>(219.737)</b>	<b>(284.479)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính tóm tắt này

	Thuyết minh	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
01	Tăng vốn cổ phần từ việc phát hành cổ phiếu	450.000	-
04	Cổ tức trả cho cổ đông	(447.700)	(811.300)
<b>III</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>2.300</b>	<b>(811.300)</b>
<b>IV</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>(8.365.842)</b>	<b>8.197.615</b>
<b>V</b>	<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM</b>	<b>12.273.251</b>	<b>4.075.636</b>
<b>VI</b>	<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM</b>	<b>29</b>	<b>3.907.409</b>
		<b>12.273.251</b>	<b>12.273.251</b>

Người lập



**Bà Nguyễn Thị Gấm**

Kế toán trưởng

Người duyệt



**Ông Phạm Doãn Sơn**

Tổng Giám đốc

29 - 03 - 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. Đơn vị báo cáo

Hoạt động chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt (“Ngân hàng”), một ngân hàng cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, là cung cấp các dịch vụ ngân hàng theo Giấy phép hoạt động ngân hàng số 91/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp ngày 28 tháng 3 năm 2008 với thời hạn hoạt động là 99 năm.

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại 32 Nguyễn Công Trứ, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng có 1 Hội sở chính, 1 Sở giao dịch, 27 Chi nhánh và 32 Phòng giao dịch trên cả nước.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng có 2.431 nhân viên (31/12/2011: 1.972 nhân viên).

## 2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Ngân hàng áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

### (a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính, trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”) được làm tròn đến hàng triệu, được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng và các quy định về kế toán liên quan khác do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan, có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, các báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

### (b) Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### (c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### (d) Công cụ tài chính

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng thường xuyên ký kết các hợp đồng làm phát sinh các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu.

Các tài sản tài chính của Ngân hàng chủ yếu bao gồm:

- Tiền;
- Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác;
- Các khoản cho vay và ứng trước;
- Chứng khoán kinh doanh;
- Chứng khoán đầu tư;
- Các khoản góp vốn và đầu tư dài hạn;
- Các tài sản phái sinh; và
- Các tài sản tài chính khác.

Các khoản nợ phải trả tài chính của Ngân hàng chủ yếu bao gồm:

- Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Các tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng;
- Các tiền gửi của khách hàng;
- Giấy tờ có giá đã phát hành;
- Các khoản nợ phải trả phái sinh; và
- Các khoản nợ phải trả tài chính khác.

**(i) Ghi nhận**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Ngân hàng tham gia vào quan hệ hợp đồng về việc cung cấp công cụ tài chính có liên quan. Ngân hàng ghi nhận Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày Ngân hàng ký kết và thực hiện theo điều khoản hợp đồng có hiệu lực (kể toán theo ngày giao dịch).

**(ii) Dừng ghi nhận**

Ngân hàng dừng ghi nhận tài sản tài chính khi và chỉ khi quyền nhận được các luồng tiền từ tài sản tài chính bị chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản tài chính. Nợ phải trả tài chính được dừng ghi nhận khi và chỉ khi khoản nợ đã được thanh toán (nghĩa vụ nợ đã được thực hiện, hủy bỏ hoặc không còn hiệu lực).

**(e) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại NHNNVN và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

**(f) Chứng khoán kinh doanh****(i) Phân loại và ghi nhận**

Chứng khoán kinh doanh có thể là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn, hoặc các chứng khoán khác là các chứng khoán được Ngân hàng mua và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá.

**(ii) Đo lường**

Chứng khoán kinh doanh niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được tính theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc giá bình quân tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết nhưng được giao dịch trên thị trường phi tập trung (OTC) được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được tính theo giá bình quân của ba báo giá của ba công ty chứng khoán lớn, có vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng.

Chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết và không được giao dịch trên thị trường phi tập trung (OTC) được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được ước tính theo quyết định của ban quản lý. Ban quản lý xác định mức dự phòng giảm giá chứng khoán dựa trên xem xét về giá gốc, điều kiện thị trường, tình hình hoạt động hiện tại và dòng tiền dự kiến.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán thanh lý chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(g) Chứng khoán đầu tư****(i) Phân loại và ghi nhận**

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán sẵn sàng để bán. Ngân hàng phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

**Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, mà Ngân hàng có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

**Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán**

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

**(ii) Đo lường**

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được tính theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc giá bình quân tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được giao dịch trên thị trường phi tập trung (OTC) được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được tính theo giá bình quân của ba báo giá của ba công ty chứng khoán lớn, có vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không được giao dịch trên thị trường phi tập trung (OTC) được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được ước tính theo quyết định của ban quản lý. Ban quản lý xác định mức dự phòng giảm giá chứng khoán dựa trên xem xét về giá gốc, điều kiện thị trường, tình hình hoạt động hiện tại và dòng tiền dự kiến.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán tính theo giá trị thị trường của chứng khoán. Trong trường hợp không có giá trị thị trường của chứng khoán hoặc không thể được xác định một cách đáng tin cậy, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua bán các chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

**(h) Các khoản đầu tư dài hạn**

**Các khoản đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm chứng khoán vốn, các khoản góp vốn đầu tư dài hạn khác có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm.

Sau khi được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản phân bổ và dự phòng giảm giá đầu tư, nếu có. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

**(i) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn**

Theo Thông tư 12/2006/TT-BTC do Bộ Tài chính (“BTC”) ban hành ngày 21 tháng 2 năm 2006, các tổ chức tín dụng cần lập dự phòng rủi ro cho các khoản đầu tư dài hạn (bao gồm dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán) theo các quy định áp dụng cho các doanh nghiệp.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vốn chủ sở hữu vào các tổ chức kinh tế (các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, hợp danh, liên doanh và các đầu tư dài hạn khác) phải được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế này gặp thua lỗ (ngoại trừ trường hợp lỗ được dự kiến trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư).

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Ngân hàng áp dụng mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

**(j) Các khoản cho vay và ứng trước**

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN của NHNNVN ngày 22 tháng 4 năm 2005 (“Quyết định 493”), được sửa đổi và bổ sung bằng Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 của NHNNVN (“Quyết định 18”), dự phòng cụ thể cần được lập hàng quý cho các khoản cho vay và ứng trước dựa trên nhóm nợ của các khoản cho vay.

Dự phòng cụ thể các khoản cho vay và ứng trước tại ngày kết thúc niên độ kế toán (là ngày 31 tháng 12 năm 2012) được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với khoản nợ vay gốc tại ngày 30 tháng 11 năm 2012 sau khi đã trừ đi giá trị tài sản thế chấp đã được định giá.

<b>Nhóm</b>	<b>Tình trạng quá hạn</b>	<b>Tỷ lệ dự phòng</b>
1	Nợ đủ tiêu chuẩn <ul style="list-style-type: none"> <li>Khoản vay trong hạn hoặc quá hạn dưới 10 ngày.</li> </ul>	0%
2	Nợ cần chú ý <ul style="list-style-type: none"> <li>Quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc</li> <li>Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất (nếu khách hàng được đánh giá là đủ khả năng hoàn trả cả gốc lẫn lãi theo thời hạn đã được cơ cấu lại lần thứ nhất áp dụng đối với các khách hàng là doanh nghiệp và tổ chức).</li> </ul>	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn <ul style="list-style-type: none"> <li>Quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày;</li> <li>Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất ngoại trừ các khoản cho vay có thời hạn trả nợ được cơ cấu lại đã được phân loại vào Nhóm 2 ở trên; hoặc</li> <li>Các khoản cho vay được miễn, giảm tiền lãi do khách hàng không có khả năng thanh toán tiền lãi theo hợp đồng.</li> </ul>	20%
4	Nợ nghi ngờ <ul style="list-style-type: none"> <li>Quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày;</li> <li>Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất và quá hạn dưới 90 ngày tính theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại lần thứ nhất; hoặc</li> <li>Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai.</li> </ul>	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn <ul style="list-style-type: none"> <li>Quá hạn trên 360 ngày;</li> <li>Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất và quá hạn từ 90 ngày trở lên tính theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại lần thứ nhất;</li> <li>Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và đã bị quá hạn tính theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại lần thứ hai;</li> <li>Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba; hoặc</li> <li>Các khoản nợ khoanh, hay nợ chờ xử lý.</li> </ul>	100%

Ngoài ra, Ngân hàng cũng phải trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị số dư nợ cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Cũng theo Quyết định này, các khoản cho vay khách hàng được xử lý bằng dự phòng khi các khoản cho vay khách hàng đã được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi người vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức hoặc doanh nghiệp), hoặc khi người vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

#### **(k) Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng**

Theo Quyết định 18, Ngân hàng được yêu cầu phải phân loại các bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện vào các nhóm liên quan và lập dự phòng cụ thể tương ứng.

Ngoài ra, theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, Ngân hàng cũng được yêu cầu phải trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% tổng số dư các thư bảo lãnh, thư tín dụng và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

#### **(l) Tài sản cố định hữu hình**

##### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• nhà cửa và chi phí cải tạo	25 năm
• thiết bị văn phòng	4 - 7 năm
• phương tiện vận chuyển	10 năm
• các tài sản hữu hình khác	3 - 5 năm

**(m) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Phần mềm vi tính**

Giá mua phần mềm vi tính mới, mà phần mềm vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời của phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và được hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

**(ii) Quyền sử dụng đất vô thời hạn**

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được phản ánh theo nguyên giá và không được khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua đất và các chi phí phát sinh để đảm bảo quyền sử dụng đất.

**(n) Chi phí chờ phân bổ**

Các chi phí cải tạo trụ sở được vốn hóa và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 3 đến 10 năm.

**(o) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại hoạt động kinh doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Ngân hàng trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của hoạt động kinh doanh bị mua. Lợi thế thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**(p) Các công cụ tài chính phái sinh**

Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo giá trị hợp đồng tại ngày có hiệu lực của hợp đồng và được đánh giá vào cuối kỳ kế toán. Lãi hoặc lỗ từ các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(q) Các khoản phải thu khác**

Các khoản nợ phải thu khác ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng của ngân hàng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Ngân hàng áp dụng mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

**(r) Các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

**(s) Trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Ngân hàng từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Ngân hàng.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Ngân hàng và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Ngân hàng không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

**(t) Vốn cổ phần**

*Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

**(u) Các quỹ và dự trữ**

Theo Nghị định 57/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 7 năm 2012, trước khi phân phối lợi nhuận, Ngân hàng phải lập các quỹ dự trữ sau.

	<b>Phân phối hàng năm</b>	<b>Số dư tối đa</b>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế còn lại	<u>25% vốn cổ phần</u>

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Quỹ dự phòng tài chính cùng với quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần không được phân chia.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Hội đồng Quản trị phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

**(v) Ghi nhận doanh thu**

**(i) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản cho vay được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 nêu trong Thuyết minh 2(h) được ghi nhận khi Ngân hàng thực sự thu được.

**(ii) Thu nhập từ phí và hoa hồng**

Thu nhập từ phí và hoa hồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

**(iii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được thiết lập.

Theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu, các khoản được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận của các công ty cổ phần không được ghi nhận trong báo cáo tài chính mà chỉ được ghi tăng số lượng cổ phiếu của công ty đó do Ngân hàng nắm giữ.

**(w) Chi phí lãi**

Chi phí lãi được ghi nhận tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

**(x) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên



báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuế.

**(y) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp trên số lãi hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

**(z) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Ngân hàng trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm có tính đến các ảnh hưởng của các công cụ có tính suy giảm tiềm năng.

**(aa) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

**(i) Các hợp đồng ngoại hối**

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa vào ngày kết thúc niên độ kế toán tại ngày giao dịch và được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái tại thời điểm cuối năm. Lãi hoặc lỗ đã hoặc chưa thực hiện được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng hoán đổi được đánh giá lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán; chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(ii) Các cam kết và nợ tiềm ẩn**

Tại bất cứ thời điểm nào Ngân hàng cũng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Ngân hàng cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh cam kết chắc chắn về luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai.

**(bb) Phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính cho mục đích thuyết minh thông tin theo Thông tư 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài Chính**

**(i) Phân loại tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm chứng khoán kinh doanh và tài sản tài chính phái sinh. Tài sản tài chính do Ngân hàng nắm giữ được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn; hoặc
- Có bằng chứng về việc kinh doanh chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

- *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- *Các khoản cho vay và phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Ngân hàng xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

- *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- *Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm các khoản nợ phải trả tài chính phái sinh.

- *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân nhóm các tài sản và nợ phải trả tài chính như trên chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin trong báo cáo tài chính. Việc phân loại này không có ảnh hưởng đến phương pháp ghi nhận, đo lường hay phân loại trong bảng cân đối kế toán của Ngân hàng.

## **(ii) Đo lường và thuyết minh giá trị hợp lý**

Theo Thông tư 210, Ngân hàng thuyết minh thông tin về giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính để so sánh với giá trị ghi sổ như trong thuyết minh số 34.

Giá trị hợp lý thể hiện giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có sự hiểu biết và sẵn lòng thực hiện giao dịch trên cơ sở ngang giá tại ngày hạch toán.

Khi tồn tại một thị trường sẵn có thông tin, Ngân hàng xác định giá trị hợp lý của một công cụ tài chính bằng giá niêm yết trên thị trường của công cụ đó. Một thị trường được coi là thị trường sẵn có thông tin nếu giá niêm yết thường xuyên có sẵn và phản ánh các giao dịch thực tế và thường xuyên phát sinh trên thị trường.

### 3. Tiền mặt tại quỹ

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Tiền mặt tại quỹ bằng VND	137.961	121.623
Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ	44.817	42.426
	182.778	164.049

### 4. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Tài khoản tiền gửi thanh toán và quỹ dự trữ bắt buộc	3.216.017	1.390.298

### 5. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	244.967	605.041
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	263.646	1.047.660
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	5.400.000	16.124.716
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	3.157.380	2.061.258
<b>Các khoản cho vay</b>		
Các khoản cho vay bằng VND	5.958.572	-
Các khoản cho vay bằng ngoại tệ	374.904	-
	15.399.469	19.838.675

## 6. Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản/(công nợ) tài chính khác

	31/12/2012		
	Tổng giá trị danh nghĩa của hợp đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán	
	Triệu VND	Tài sản Triệu VND	(Nợ phải trả) Triệu VND
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	1.409.703	-	(10.797)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	1.028.881	-	(7.622)
	<b>2.438.584</b>	-	<b>(18.419)</b>

	31/12/2011		
	Tổng giá trị danh nghĩa của hợp đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán	
	Triệu VND	Tài sản Triệu VND	(Nợ phải trả) Triệu VND
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	13.948	-	(890)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	3.812.814	39.730	-
	<b>3.826.762</b>	<b>39.730</b>	<b>(890)</b>

## 7. Các khoản cho vay khách hàng

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Các khoản cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	22.931.859	11.734.846
Chiết khấu hối phiếu	59.822	1.022.293
	<b>22.991.681</b>	<b>12.757.139</b>

### Phân tích chất lượng nợ cho vay theo nhóm nợ như sau:

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	21.843.605	12.233.993
Nợ cần chú ý	524.817	250.603
Nợ dưới tiêu chuẩn	168.239	159.589
Nợ nghi ngờ	191.054	108.472
Nợ có khả năng mất vốn	263.966	4.482
	<b>22.991.681</b>	<b>12.757.139</b>

**Phân tích dư nợ cho vay theo thời hạn như sau:**

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Ngắn hạn	15.814.443	10.407.651
Trung hạn	5.041.988	1.838.396
Dài hạn	2.135.250	511.092
	<b>22.991.681</b>	<b>12.757.139</b>

**Phân tích dư nợ cho vay theo ngành kinh tế như sau:**

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Nông nghiệp và lâm nghiệp	827.552	298.585
Thương mại, sản xuất và chế biến	10.439.387	3.184.464
Xây dựng	5.072.612	1.233.576
Kho bãi, vận tải và thông tin liên lạc	335.532	61.931
Cá nhân và các ngành nghề khác	6.316.598	7.978.583
	<b>22.991.681</b>	<b>12.757.139</b>

**Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp như sau:**

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Doanh nghiệp nhà nước	3.466.367	465.498
Công ty trách nhiệm hữu hạn	4.629.457	3.763.886
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	11.150	4.806
Công ty cổ phần	8.025.671	5.301.269
Cá nhân và các đối tượng khách hàng khác	6.859.036	3.221.680
	<b>22.991.681</b>	<b>12.757.139</b>

**8. Dự phòng rủi ro các khoản cho vay khách hàng**

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng bao gồm:

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Dự phòng chung	119.196	82.655
Dự phòng cụ thể	284.190	34.503
	<b>403.386</b>	<b>117.158</b>

**Biến động dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng như sau:**

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Số dư đầu năm	82.655	71.184
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 26)	36.541	34.436
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(22.870)
Xử lý các khoản nợ khó thu hồi bằng nguồn dự phòng	-	(95)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>119.196</b>	<b>82.655</b>

**Biến động dự phòng cụ thể các khoản cho vay khách hàng như sau:**

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Số dư đầu năm	34.503	7.104
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 26)	267.060	33.228
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(957)
Xử lý các khoản nợ khó thu hồi bằng nguồn dự phòng	(17.373)	(4.872)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>284.190</b>	<b>34.503</b>

**9. Chứng khoán đầu tư**

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
<b>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
Trái phiếu Chính phủ	2.736.954	1.036.900
Tín phiếu Kho Bạc	500.000	-
Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước và nước ngoài phát hành	6.005.991	7.615.348
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	6.272.837	8.167.268
	<b>15.515.782</b>	<b>16.819.516</b>

**10. Góp vốn, đầu tư dài hạn**

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011	Tổng vốn điều lệ của tổ chức được đầu tư Triệu VND	Mệnh giá của các khoản đầu tư Triệu VND	Tỷ lệ nắm giữ	Giá gốc của các khoản đầu tư Triệu VND
Công ty Chứng khoán Liên Việt	125.000	13.750	11%	15.931
Công ty Cổ phần Phát Triển Tín Mẫn (i)	20.000	8.800	44%	8.800
	<b>145.000</b>	<b>22.550</b>		<b>24.731</b>

- (i) Ngân hàng sở hữu hơn 11% vốn góp của Công ty Cổ phần Phát triển Tín Mẫn. Tuy nhiên, Ngân hàng đã nhận được phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về mức góp vốn dưới hình thức khoản đầu tư thương mại thông thường vượt mức quy định hiện hành theo Công văn 2493/TTg-ĐMDN ngày 15 tháng 12 năm 2009. Mục tiêu

hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Xín Mần là cho các hoạt động từ thiện ở Huyện Xín Mần, Tỉnh Hà Giang. Do đó, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào tài khoản “Đầu tư dài hạn khác” thay vì phân loại vào tài khoản “Đầu tư vào công ty liên kết”.

**11. Tài sản cố định hữu hình**

2012	Trụ sở và chi phí cải tạo trụ sở Triệu VND	Thiết bị văn phòng Triệu VND	Phương tiện vận chuyển Triệu VND	Tài sản khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	63.796	120.672	219.515	23.916	427.899
Mua trong năm	40.046	82.413	41.057	12.546	176.062
Thanh lý	-	(2.461)	(2.459)	(1.235)	(6.155)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>103.842</b>	<b>200.624</b>	<b>258.113</b>	<b>35.227</b>	<b>597.806</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	6.307	47.408	43.835	7.201	104.751
Khấu hao trong năm	3.148	28.826	28.494	6.642	67.110
Thanh lý	-	(1.540)	(2.242)	(676)	(4.458)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.455</b>	<b>74.694</b>	<b>70.087</b>	<b>13.167</b>	<b>167.403</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	57.489	73.264	175.680	16.715	323.148
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>94.387</b>	<b>125.930</b>	<b>188.026</b>	<b>22.060</b>	<b>430.403</b>

2011	Trụ sở và chi phí cải tạo trụ sở Triệu VND	Thiết bị văn phòng Triệu VND	Phương tiện vận chuyển Triệu VND	Tài sản khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	39.483	61.440	129.814	11.627	242.364
Mua trong năm	24.313	43.843	78.719	12.417	159.292
Chuyển từ Công ty Dịch vụ					
Tiết kiệm bưu điện (“VPSC”)	-	16.558	11.436	177	28.171
<b>Thanh lý</b>	<b>-</b>	<b>(1.169)</b>	<b>(454)</b>	<b>(305)</b>	<b>(1.928)</b>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>63.796</b>	<b>120.672</b>	<b>219.515</b>	<b>23.916</b>	<b>427.899</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	3.945	16.122	17.288	4.202	41.557
Khấu hao trong năm	2.362	17.927	20.349	3.068	43.706
Chuyển từ VPSC	-	14.452	6.567	161	21.180
Thanh lý	-	(1.093)	(369)	(230)	(1.692)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.307</b>	<b>47.408</b>	<b>43.835</b>	<b>7.201</b>	<b>104.751</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	35.538	45.318	112.526	7.425	200.807
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>57.489</b>	<b>73.264</b>	<b>175.680</b>	<b>16.715</b>	<b>323.148</b>

## 12. Tài sản cố định vô hình

# 2012

	Phần mềm vi tính Triệu VND	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	39.727	258.700	298.427
Mua trong năm	20.751	24.621	45.372
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>60.478</b>	<b>283.321</b>	<b>343.799</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	20.121	212	20.333
Khấu hao trong năm	6.170	223	6.393
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>26.291</b>	<b>435</b>	<b>26.726</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	19.606	258.488	278.094
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>34.187</b>	<b>282.886</b>	<b>317.073</b>

# 2011

	Phần mềm vi tính Triệu VND	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	29.369	135.884	165.253
Mua trong năm	2.607	122.816	125.423
Chuyển từ VPSC	7.864	-	7.864
Thanh lý	(113)	-	(113)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>39.727</b>	<b>258.700</b>	<b>298.427</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	10.136	-	10.136
Khấu hao trong năm	3.810	212	4.022
Chuyển từ VPSC	6.288	-	6.288
<b>Thanh lý</b>	<b>(113)</b>	<b>-</b>	<b>(113)</b>
Số dư cuối năm	20.121	212	20.333
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	19.233	135.884	155.117
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>19.606</b>	<b>258.488</b>	<b>278.094</b>



### 13. Tài sản có khác

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
1. Các khoản phải thu	6.747.556	2.918.912
<i>Tạm ứng cho Ngân sách Nhà nước</i>	2.900	5.163
<i>Tạm ứng mua tài sản cố định</i>	1.194.011	2.088.446
<i>Tạm ứng cho hoạt động xây dựng phục vụ mục đích từ thiện</i>	162.921	125.926
<i>Tạm ứng mua chứng khoán</i>	2.345.500	50.001
<i>Đặt cọc thuê văn phòng dài hạn</i>	1.322.853	490.000
<i>Các khoản phải thu khác</i>	1.719.371	159.376
2. Lãi dự thu và phải thu từ phí	1.325.398	866.202
3. Tài sản có khác	665.194	829.889
<i>Chi phí chờ phân bổ</i>	48.312	84.621
<i>Lợi thế thương mại (i)</i>	588.257	738.929
<i>Tài sản có khác</i>	28.625	6.339
	<b>8.738.148</b>	<b>4.615.003</b>

(i) Biến động lợi thế thương mại trong năm:

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Số dư đầu năm	738.929	-
Lợi thế thương mại tăng thêm từ việc mua lại VPSC	-	777.820
Phân bổ trong năm	(77.782)	(38.891)
Biến động khác	(72.890)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>588.257</b>	<b>738.929</b>

### 14. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Vay theo hồ sơ tín dụng (i)	4.872	500.000
Vay cầm cố các giấy tờ có giá	-	500.000
	<b>4.872</b>	<b>1.000.000</b>

(i) Đây là các khoản vay từ NHNNVN theo hồ sơ tín dụng. Các khoản vay có kỳ hạn gốc từ 2 năm đến 4 năm (31 tháng 12 năm 2011: 5 tháng) và chịu lãi suất năm là 7,68% (31 tháng 12 năm 2011: 15%).

## 15. Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	9.533	2.297.681
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	10.021	417.964
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	5.400.000	8.487.193
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	3.728.068	5.739.482
<b>Tiền vay</b>		
Tiền vay bằng VND	700.000	-
Tiền vay bằng ngoại tệ	6.434.351	3.542.800
	<b>16.281.973</b>	<b>20.485.120</b>

## 16. Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	4.958.948	3.276.422
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.526.235	880.800
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	32.460.582	19.726.212
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.181.676	1.341.306
<b>Tiền gửi ký quỹ</b>		
Tiền gửi ký quỹ VND	29.898	104.723
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	178.915	327.710
<b>Tiền gửi cho mục đích đặc biệt</b>		
Tiền gửi cho mục đích đặc biệt bằng VND	429	394
	<b>41.336.683</b>	<b>25.657.567</b>

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng như sau:

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Các tổ chức kinh tế	24.435.070	16.033.473
Cá nhân	16.901.613	9.624.094
	<b>41.336.683</b>	<b>25.657.567</b>

### 17. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư

Bao gồm trong khoản này là vốn đầu tư ủy thác nhận từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chịu lãi suất năm là 9,48%.

### 18. Phát hành giấy tờ có giá

Đây là các chứng chỉ tiền gửi bằng VND, có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất năm là 12,2% (31 tháng 12 năm 2011: 9,8% đến 13,9%).

### 19. Các khoản nợ khác

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
1. Lãi dự chi và phí phải trả	685.639	582.087
2. Các khoản phải trả và công nợ khác	678.766	798.298
<i>Phải trả cán bộ, công nhân viên</i>	29.210	120.000
<i>Dự phòng trợ cấp thôi việc</i>	-	346
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	41.860	4.551
<i>Nghĩa vụ thuế phải nộp (i)</i>	49.538	39.785
<i>Các khoản phải trả khác (ii)</i>	558.158	633.616
3. Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng (iii)	11.132	10.450
	<b>1.375.537</b>	<b>1.390.835</b>

(i) Nghĩa vụ thuế phải nộp	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	139	284
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.000	33.710
Các loại thuế khác	4.399	5.791
	<b>49.538</b>	<b>39.785</b>

(ii) Bao gồm trong khoản này có số tiền trị giá 499.160 triệu VND là số tiền phải trả cho các hợp đồng mua Tín phiếu Kho bạc.

(iii) Biến động dự phòng chung cho các cam kết ngoại bảng như sau:

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Số dư đầu năm	10.450	7.244
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 26)	3.352	7.530
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.670)	(4.324)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.132</b>	<b>10.450</b>

## 20. Vốn và các quỹ

### Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Nguồn vốn khác	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ đầu tư và phát triển	Tổng quỹ dự trữ	Lợi nhuận giữ lại	Tổng
Triệu VND									
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011</b>	<b>3.650.000</b>	-	<b>63.331</b>	158.322	83.327	3.793	<b>245.442</b>	<b>145.879</b>	<b>4.104.652</b>
Phát hành vốn cổ phần	2.360.000	-	-	-	-	-	-	-	2.360.000
Chuyển từ nguồn vốn khác sang thặng dư vốn cổ phần	-	63.331	(63.331)	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	977.028	977.028
Trích lập các quỹ	-	-	-	92.818	48.851	-	141.669	(141.669)	-
Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(36.379)	(36.379)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(811.300)	(811.300)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>	<b>6.010.000</b>	<b>63.331</b>	-	251.140	132.178	3.793	<b>387.111</b>	<b>133.559</b>	<b>6.594.001</b>
Phát hành vốn cổ phần	450.000	-	-	-	-	-	-	-	450.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	868.160	868.160
Trích lập các quỹ	-	-	-	82.476	43.408	-	125.884	(125.884)	-
Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(73.459)	(73.459)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(447.700)	(447.700)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	<b>6.460.000</b>	<b>63.331</b>	-	333.616	175.586	3.793	<b>512.995</b>	<b>354.676</b>	<b>7.391.002</b>

### Vốn cổ phần

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	<b>646.000.000</b>	<b>6.460.000</b>	<b>601.000.000</b>	<b>6.010.000</b>
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	646.000.000	6.460.000	601.000.000	6.010.000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	646.000.000	6.460.000	601.000.000	6.010.000

Mệnh giá của cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng.

## 21. Thu nhập lãi thuần

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
<b>Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự</b>		
Từ tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng	2.177.975	1.183.648
Từ cho vay cho khách hàng	2.343.927	1.877.654
Từ đầu tư vào chứng khoán nợ	1.819.177	2.131.830
	<b>6.341.079</b>	<b>5.193.132</b>
<b>Chi phí lãi và các chi phí tương tự</b>		
Từ các khoản tiền gửi của khách hàng	(3.699.046)	(1.987.897)
Từ các khoản vay từ NHNNVN và các tổ chức tín dụng khác	(177.394)	(1.063.781)
Từ phát hành giấy tờ có giá	(10.931)	(83.785)
	<b>(3.887.371)</b>	<b>(3.135.463)</b>
<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>2.453.708</b>	<b>2.057.669</b>

## 22. Lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
<b>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</b>		
Dịch vụ bảo lãnh	21.522	16.264
Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	13.606	12.979
Dịch vụ ủy thác và tư vấn	1.103	2.957
Dịch vụ khác	2.922	7.114
	<b>39.153</b>	<b>39.314</b>
<b>Chi phí hoạt động dịch vụ</b>		
Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	(10.775)	(8.232)
Dịch vụ khác	(172.624)	(71.531)
	<b>(183.399)</b>	<b>(79.763)</b>
<b>Lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>(144.246)</b>	<b>(40.449)</b>

### 23. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
<b>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>		
Từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	43.991	45.288
Từ các công cụ phái sinh tiền tệ	59.670	147.742
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>		
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(1.173)	(48.827)
Chi về các công cụ phái sinh tiền tệ	(70.752)	(40.885)
	<b>31.736</b>	<b>103.318</b>

### 24. Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(14.214)	(23.155)

### 25. Chi phí hoạt động

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Lương và các chi phí liên quan	379.279	362.712
Chi phí in ấn, tiếp thị và khuyến mại	40.180	23.814
Chi phí thuê văn phòng	129.683	111.935
Khấu hao tài sản cố định	73.503	47.728
Phân bổ lợi thế thương mại	77.782	38.891
Thuế, lệ phí và phí	41.142	31.948
Chi phí dụng cụ và thiết bị	19.398	3.660
Chi phí thông tin liên lạc, viễn thông	5.186	3.531
Các chi phí hoạt động khác	270.319	315.320
	<b>1.036.472</b>	<b>939.539</b>

### 26. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

	Thuyết minh	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Chi phí dự phòng cho vay khách hàng	8	303.601	67.664
Chi phí dự phòng cho các cam kết ngoại bảng	19 (iii)	3.352	7.530
		<b>306.953</b>	<b>75.194</b>

## 27. Thuế thu nhập

### (a) Đối chiếu thuế suất thực tế

		2012 Triệu VND		2011 Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế		967.685		1.086.281
Thuế theo thuế suất được áp dụng	20%	193.538	20%	217.256
Ảnh hưởng của việc được miễn, giảm thuế	(10%)	(96.769)	(10%)	(108.628)
Dự phòng thiếu trong những năm trước		2.700		-
Chi phí không được khấu trừ		56		625
		<b>99.525</b>		<b>109.253</b>

### (b) Thuế suất áp dụng

Theo Công văn số 379/CT-TT&HT ngày 19 tháng 6 năm 2008 của Cục Thuế Tỉnh Hậu Giang, Ngân hàng có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên. Ngân hàng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 6 năm tiếp theo. Từ năm hoạt động thứ 11, Ngân hàng phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất quy định tại thời điểm đó.

## 28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

### Lãi cơ bản trên cổ phiếu

#### (i) Lợi nhuận sau thuế

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Lợi nhuận sau thuế	868.160	977.028
Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi	(73.459)	(30.300)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>794.701</b>	<b>946.728</b>

#### (ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2012	2011
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	601.000.000	365.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu đã phát hành trong năm	22.500.000	168.186.301
<b>Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12</b>	<b>623.500.000</b>	<b>533.186.301</b>

#### (iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2012 VND	2011 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.275	1.776

## 29. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Tiền mặt tại quỹ	182.778	164.049
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	3.216.017	1.390.298
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	508.614	10.718.904
	<b>3.907.409</b>	<b>12.273.251</b>

Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền có tiền và các khoản tương đương tiền bằng các ngoại tệ khác VND trị giá tương đương 902.270 triệu VND (31 tháng 12 năm 2011: 1.970.494 triệu VND).

## 30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan (các cổ đông, các công ty được Ngân hàng đầu tư vốn, các thành viên Hội đồng Quản trị và các nhân viên của Ngân hàng, gia đình họ và các công ty do họ làm chủ) là khách hàng của Ngân hàng trong năm. Các điều khoản của những giao dịch này do ban lãnh đạo Ngân hàng phê duyệt.

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm và tại thời điểm cuối năm như sau:

Số dư	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
<b>Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng</b>		
Công ty Cổ phần Him Lam	54.704	71.363
Tổng Công ty Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam	1.755	-
<b>Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng</b>		
Công ty Cổ phần Him Lam	-	1.214
Tổng Công ty Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam	1.907.500	480.000
<b>Tạm ứng xây dựng công trình</b>		
Công ty Cổ phần Him Lam	1.150.000	1.961.359
<b>Trái phiếu doanh nghiệp</b>		
Công ty Cổ phần Him Lam	-	250.000
<b>Giao dịch</b>		
	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
<b>Chi phí lãi</b>		
Công ty Cổ phần Him Lam	3.829	1.531
Tổng Công ty Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam	95.230	707
<b>Thu nhập lãi</b>		
Công ty Cổ phần Him Lam	44.737	27.281



### 31. Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Tổng số cán bộ, công nhân viên	2.431	1.972
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Lương cơ bản	191.873	123.324
2. Các khoản phụ cấp	146.010	219.298
4. Tổng (1+2)	337.883	342.622
5. Tiền lương bình quân tháng	6,58	5,21
6. Thu nhập bình quân tháng	11,58	14,48

### 32. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

	Số dư tại 1/1/2012 Triệu VND	Phát sinh trong năm Số phải nộp Triệu VND	Số đã nộp Triệu VND	Số dư tại 31/12/2012 Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	284	2.903	3.048	139
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.710	99.525	88.235	45.000
Các loại thuế khác	5.791	66.992	68.384	4.399
	<b>39.785</b>	<b>169.420</b>	<b>159.667</b>	<b>49.538</b>

### 33. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

	Miền Bắc Triệu VND	Miền Trung Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Không phân vùng Triệu VND	Loại trừ Triệu VND	Tổng Triệu VND
Doanh thu	3.039.376	220.632	2.756.598	4.998.973	(4.278.650)	6.736.929
Tổng tài sản	12.733.236	1.761.909	14.282.448	37.635.104	-	66.412.697
Chi phí vốn	31.970	8.232	45.696	135.535	-	221.433

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:**

	Miền Bắc Triệu VND	Miền Trung Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Không phân vùng Triệu VND	Loại trừ Triệu VND	Tổng Triệu VND
Doanh thu	1.945.311	166.463	2.123.958	3.952.709	(2.809.219)	5.379.222
Tổng tài sản	17.121.546	1.003.318	11.292.222	26.715.250	-	56.132.336
Chi phí vốn	15.477	16.119	39.733	213.386	-	284.715

Người lập



**Bà Nguyễn Thị Gấm**

Kế toán trưởng

Người duyệt



**Ông Phạm Doãn Sơn**

Tổng Giám đốc

29 - 03 - 2013



**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN KHU VỰC PHÍA BẮC**

109 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,  
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: 04 62 668 668 - Fax: 04 62 669 669

Email: [dvkh@lienvietpostbank.com.vn](mailto:dvkh@lienvietpostbank.com.vn)

*Liên kết Phát triển*

[www.lienvietpostbank.com.vn](http://www.lienvietpostbank.com.vn)